



THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 24 Square des Cottages, 91200 Athis-Mons, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Directeur de publication: Phạm Ngọc Lân

Vấn Đề Trong Tháng

Giải pháp Kampuchea thay đổi hẳn cục diện Việt Nam

Thế là sau cùng tấn thảm kịch Kampuchea đã đến hồi kết thúc. Với Hiệp Định Paris ngày 23-10-1991, Kampuchea bắt đầu đi vào một kỷ nguyên hòa bình và tái thiết. Còn vô số vấn đề cực kỳ trầm trọng và khó khăn phải giải quyết nhưng người ta có quyền hy vọng là hòa bình mới này sẽ bền vững và lâu dài cho Kampuchea. Chúng ta mừng cho dân tộc Kampuchea và chúc họ đoạn tuyệt vĩnh viễn với lịch sử đẫm máu của họ.

Kampuchea là một vùng đất hứa đã biến thành địa ngục vì sự độc ác và mù quáng của con người. Được bồi đắp do phù sa, đất nước Kampuchea là một sản phẩm và cũng là

một quà quý của dòng Mê Kông. Đất đai bằng phẳng và phì nhiêu, thủy sản phong phú một cách phi thường, Kampuchea đáng lẽ phải là đất nước của hạnh phúc, trù phú, của cuộc sống hòa bình trong tiếng hát đồng dao. Nhưng con người đã thiếu sự khôn ngoan, đã không biết cách sống chung hòa bình.

Kampuchea là một dẫn chứng hùng hồn rằng một lãnh thổ và những con người - ngay cả những con người cùng huyết thống, cùng tổ tiên - vẫn không đủ để hình thành một quốc gia. Còn cần một yếu tố khác nữa, đó là ý muốn sống chung với nhau và cùng chấp nhận chia sẻ một tương lai chung.

Vấn đề đặt ra cho Kampuchea hiện nay không phải là nhỏ, đó là sự khai sinh ra một quốc gia thực sự trên một vùng đổ nát đã từng trải qua hàng ngàn năm chém giết và mới cách đây hơn một thập niên còn là nghĩa trang tập thể của hàng triệu nạn nhân vô tội.

Như vậy, Kampuchea dù có hòa bình nhưng tình hình vẫn chưa sáng sủa. Liên Hiệp Quốc sẽ phải có mặt tại Kampuchea lâu hơn dự định nếu muốn tránh cho nhân dân Kampuchea những xáo trộn đổ máu khác. Chúng ta có thể tin như vậy vì với cố gắng vừa qua của các cường quốc để hình thành giải pháp Kampuchea, hình như thế giới không còn coi Kampuchea là "một thảm kịch không quan trọng" nữa. Đối với người Việt Nam, sự hiện diện lâu dài của Liên Hiệp Quốc là một tin mừng. Chúng ta có gần nửa triệu đồng bào sinh sống ở Kampuchea, sự hiện diện của Liên Hiệp Quốc là một đảm bảo tối cần thiết cho tài sản và tánh mạng của đồng bào ta vì lịch sử cho thấy là mỗi khi có thay đổi chế độ, người Việt Nam sinh sống tại Kampuchea vẫn thường là nạn nhân của các vụ thảm sát.

Sau giải pháp Kampuchea, cục diện Việt Nam sẽ đổi hẳn.

Ảnh hưởng quyết định của giải pháp Kampuchea lên tình hình Việt Nam đã được các diễn viên chính, nghĩa là

Trong số này

1. Vấn đề trong tháng:

Giải pháp Kampuchea thay đổi hẳn cục diện VN

3. Vì đất nước hôm nay và ngày mai:

Bối rối ngân sách hay bối rối chính sách

Lê Văn Đăng

7. Tham luận

Đổi mới kinh tế...

Nguyễn Chính Phương

10. Ý kiến

Quá trình dân chủ hóa ở Việt Nam

Nhân Tâm

Cảm nghĩ của một người dân Việt...

Trần Văn Sang

13. Hợp thân hữu Thông Luận

Nguyễn Văn Huy

14. Thời sự - Tin tức

22. Độc giả viết

24. Số tay:

Giới thiệu tập san Hợp Lưu tại Paris

Thụy Khuê

các nước Phương Tây, đặc biệt là Hoa Kỳ, và các nước trong vùng thấy rõ. Hà Nội cũng đã từ lâu ý thức được tầm quan trọng sinh tử của Kampuchea đối với chế độ cộng sản Việt Nam.

Không phải là một sự vô tình khi Washington đã chỉ coi giải pháp hòa bình Kampuchea là điều kiện chính trị duy nhất để bình thường hóa quan hệ với Hà Nội mà không hề đặt ra những đòi hỏi chính trị nào khác. Washington dư biết nếu chế độ cộng sản chấm dứt tại Kampuchea, thì chỉ trong một thời gian ngắn nó cũng sẽ chấm dứt tại Việt Nam. Việt Nam, chứ không phải Kampuchea, mới là quan tâm của Hoa Kỳ. 60.000 thanh niên Mỹ đã chết tại Việt Nam để rồi Hoa Kỳ phải ra đi một cách không danh dự. Người Mỹ vẫn còn có quyền ngờ vực sự khôn ngoan của các quyết định của chính quyền của họ chừng nào ký ức Việt Nam vẫn còn đau đớn. Nhân dân Mỹ chỉ có thể hòa giải với chính quyền của họ khi mà lý tưởng đã làm chết 60.000 thanh niên Mỹ, nghĩa là tự do và dân chủ tại Việt Nam, đã đạt được. Cho tới khi nào sự hòa giải chưa đạt được thì mọi chính quyền Mỹ vẫn khó lấy những quyết định đối ngoại quả quyết.

Cũng không phải chỉ vì mù quáng mà Hà Nội đã ngoan cố chiếm đóng Kampuchea trong nhiều năm mặc dầu đã phải trả một cái giá vô cùng đắt đỏ cho sự ngoan cố đó. Hà Nội đã phải rút quân khỏi Kampuchea nhưng trong hai năm qua cũng đã li lợm chống đối lại giải pháp hòa bình vì Hà Nội thừa biết cái gì sẽ xảy tới nếu một thể chế thuộc quỹ đạo Phương Tây được thành lập tại đây. Đến khi phải chấp nhận giải pháp hòa bình tại Kampuchea, Hà Nội đã cố tình chống lại sự hiện diện của Liên Hiệp Quốc bởi vì Hà Nội thấy được ảnh hưởng tai hại của sự hiện diện này lên sự tồn vong của mình.

Nhưng cuối cùng Hà Nội đã phải nhượng bộ tất cả, bởi vì chế độ cộng sản Việt Nam đã quá kiệt quệ, thế giới đã thay đổi hẳn, và bầu trời Liên Xô đã sập trên đầu đảng cộng sản Việt Nam.

Chấp nhận giải pháp hòa bình tại Kampuchea có nghĩa là đảng cộng sản đã chấp nhận rằng, bằng cách này hay cách khác, chế độ cộng sản cũng sẽ phải chấm dứt tại Việt Nam. Rất nhiều nhà phân tích đã nói rằng Hà Nội sẽ không bao giờ chịu nhượng bộ tại Kampuchea. Nhưng khi đã quá yếu thì không chịu cũng vẫn phải chịu. Bàn tay tuy vẫn muốn nắm chặt nhưng khi đã hết sức cũng phải buông ra.

Trong nhiều năm qua, Kampuchea và Lào đã là một bức Vạn Lý Trường Thành che chở cho chế độ cộng sản Việt Nam khỏi sự công phá của trào lưu dân chủ từ bên ngoài. Ngày nay, sau khi Lào đã tách gân xong khỏi ảnh hưởng của Hà Nội, giải pháp Kampuchea có nghĩa bức trường thành đó đã sụp đổ. Chế độ cộng sản Việt Nam đã bị lột áo giáp an toàn.

Lần này nếu đảng cộng sản Việt Nam, hay đúng hơn nhóm người rất ít ỏi nắm quyền trong đảng, không chịu nhượng bộ thì quả thực là họ rất điên rồ. Lần này, nếu chế

độ cộng sản Việt Nam tiếp tục ngoan cố, nó sẽ bị lật đổ.

Biên giới Việt Nam - Kampuchea là một biên giới rất thoáng. Không có sông núi ngăn cách mà lại còn có sự pha trộn sắc tộc ở cả hai bên. Sự giao lưu của người và hàng hóa qua biên giới là một hằng số lịch sử. Cái gì có tại Kampuchea tự nhiên sẽ có tại Việt Nam.

Một khi biên giới Tây-Nam đã mở toang thì giao thông Lào - Việt cũng không còn ngăn chặn được nữa và đến lượt Lào cũng sẽ trở thành căn cứ xuất phát cho trào lưu đấu tranh dân chủ.

Sự giao lưu thường xuyên với một thế giới bên ngoài đầy cám dỗ, sự hiện diện của Liên Hiệp Quốc ngay sát nách Việt Nam, cách Sài Gòn không tới 100 km, cũng sẽ là một bảo đảm và một khích lệ rất lớn cho những đòi hỏi dân chủ trong nước. Các yếu tố đã hội đủ cho một cuộc nổi dậy ạt của dân chúng: kinh tế suy sụp, đời sống xã hội bi đát, các khát vọng dân chủ dâng lên mãnh liệt, cán bộ đảng viên mất tinh thần, ngân sách thiếu hụt trầm trọng làm tê liệt luôn cả bộ máy đàn áp. Tất cả mọi người Việt Nam đều muốn vứt bỏ chế độ độc tài đảng trị. Hàng trăm ngàn người lao động từ Liên Xô và Đông Âu trở về sau khi đã chứng kiến sự sụp đổ của các chế độ cộng sản cũng là một thùng thuốc nổ khác.

Sự sụp đổ của chế độ cộng sản là điều chắc chắn và thắng lợi của dân chủ chỉ còn là vấn đề thời gian. Điều nguy hiểm nhất là có thể máu sẽ đổ và khi đã đổ thì sẽ đổ rất nhiều. Trước hết là máu của những người biểu tình trước lần đàn áp của chế độ. Bao nhiêu? Vài người, hay vài chục người, hay vài trăm người, hay vài ngàn người? Không ai có thể tiên liệu được nhưng chắc chắn là số nạn nhân sẽ ít so với những gì sẽ xảy ra sau đó, khi chính quyền cộng sản đã bị lật đổ. Một khi dân chúng đã bắt đầu xuống đường nổi dậy, chế độ cộng sản Việt Nam sẽ chỉ tồn tại được vài tháng. Khi nó đã đổ, sự thịnh nộ của dân chúng trước một chế độ đã dim cả nước xuống vực thẳm và cuối cùng đã bản giết đồng bào có thể đạt tới một mức độ mà ngay một chính quyền khoan dung nhất cũng không thể ngăn cản được.

Nhưng vẫn còn cách để tránh hỗn loạn và đổ máu. Vì tương lai của chính họ, đảng cộng sản Việt Nam phải dứt khoát bắt đầu ngay tiến trình dân chủ hóa, phải từ bỏ độc quyền chính trị và đối thoại với các lực lượng dân chủ tiến bộ để tìm một giải pháp hợp tình hợp lý cho đất nước.

Không một người Việt Nam thực sự yêu nước nào còn có thể nghĩ là chúng ta còn thì giờ để mất cho những trả thù báo oán. Tấm lòng Việt Nam ngày hôm nay lớn như sự đau khổ của Việt Nam. Một giải pháp tốt đẹp vẫn có thể tìm thấy với điều kiện là mọi người phải biết điều. Kể cả, và nhất là, những người có trách nhiệm trong đảng cộng sản vì nếu chịu lắng tai họ có thể nghe tiếng lịch sử chuẩn bị đếm ngược. Họ không còn thì giờ nào để mất.

Thông Luận

Bối rối ngân sách hay bối rối chính sách ?

Lê Văn Đăng

Bội chi ngân sách là một căn bệnh triền miên của Việt Nam và là một nguyên nhân quan trọng của tình trạng lạm phát và trì trệ. Dù áp dụng những biện pháp cắt giảm ngân sách, bế tóa lương bổng và tăng thuế theo lời đề nghị của các chuyên viên quốc tế kể từ 1987 và đặc biệt kể từ năm 1989, bội chi vẫn gia tăng mau chóng từ 35 tỷ đồng năm 1985 lên tới 2.250 tỷ trong năm 1990, tương đương 5% tổng sản lượng quốc gia [TSLQG].

Gần đây, sự sụp đổ của chế độ cộng sản Liên Xô, và của chính Liên Xô nói chung, "hòn đá tảng ngân sách", nghĩa là viện trợ của Liên Xô đã tan vỡ, làm cho tình hình trở nên nguy ngập một cách đột ngột.

Các nhà lãnh đạo cộng sản Việt Nam đã tỏ ra hết hoảng rồ rết. Trong bài diễn văn nhậm chức thủ tướng, ông Võ Văn Kiệt đã trình bày một tình hình kinh tế tài chính cực kỳ bi đát và báo động rằng sáu tháng cuối năm 1991 sẽ rất khó khăn (xem Thông Luận số 41). Gần đây, trong ba ngày hội nghị tài chính tại hội trường Thống Nhất (từ ngày 4 đến 6-9-1991) và trong bài diễn văn kết thúc dưới một đề tài rất ý nghĩa "Việt Nam Có Đứng Vững Hay Không?", phó chủ tịch Hội Đồng Bộ Trưởng Phan Văn Khải cũng đã tỏ đên thêm tình hình bi đát mà "anh Sáu Dân" đã vẽ hai tháng trước đây.

Cả hai bài diễn văn trên đều cho thấy chính quyền đang gặp bế tắc ngân sách trầm trọng cả thu lẫn chi. Số bội chi ngân sách năm nay dù được nhà nước điều chỉnh tăng thêm 25% bất chấp biểu quyết của quốc hội (từ con số 1.600 tỷ được Quốc Hội chuẩn chi lên đến 2.000 tỷ) cũng sẽ bị vượt rất xa. Cả hai ông Võ Văn Kiệt và Phan Văn Khải đều không biết mức bội chi sẽ tới mức độ nào và không biết sẽ phải giải quyết ra sao trong bốn tháng còn lại.

Khi thực tế thê thảm hơn ác mộng

Trước hết là một vài dữ kiện. Tổng số chi của ngân sách năm 1991 sau khi điều chỉnh lên tới mức 10.630 tỷ đồng. So với ngân sách ban đầu tổng số dự chi tăng thêm 2.740 tỷ (+20%).

Phần chi bao gồm các mục lương bổng khoảng 2.150 tỷ (20%), chi phí an ninh quốc phòng 5.280 tỷ (52%) và phần đầu

tư khoảng 3.000 tỷ (28%).

Phần thu sau khi được Bộ Tài Chính ước lượng lại (tháng 8-1991) lên tới 8.630 tỷ gồm thuế 2.930 tỷ (34%), số thầu trên các xí nghiệp quốc doanh khoảng 3.200 tỷ (36%), phần phụ thu được ước tính khoảng 2.500 tỷ (30%). Bội chi ngân sách do đó được dự tính vào khoảng 2.000 tỷ cho niên khoá 1991. Mặc dầu vậy ông Phan Văn Khải nhìn nhận rằng "không thể để mức bội chi ngân sách lên 2.000 tỷ được". Không thể, nhưng cũng đành chịu.

Theo những phúc trình của Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế, Ngân Hàng Thế Giới và Ngân Hàng Phát Triển Á Châu trong năm 1989, năm có thể được coi là tốt nhất cho kinh tế Việt Nam từ 1975, chi phí điều hành tính bằng USD bằng 13% TSLQG, đầu tư khoảng 6%. Cũng theo những cơ quan này số thu bằng 11,5% và bội chi xấp xỉ 7,5% TSLQG. Các chuyên viên Ngân Hàng Thế Giới đánh giá TSLQG của Việt Nam là 7 tỷ USD năm 1989, và cho Việt Nam là nước có lợi tức đầu người thấp nhất (109 USD). Ước lượng này theo chúng tôi là quá thấp.

Theo cách ước tính của các anh em Thông Luận, TSLQG của Việt Nam hiện nay vào khoảng 12 tỷ USD và bội chi ngân sách thực sự năm 1991 tối thiểu sẽ là 600 triệu USD Mỹ (5% TSLQG), tức tương đương với 6.000 tỷ đồng (với một hời suất trung bình trong năm 1991 vào khoảng 10.000 đồng/1 USD) gấp 3 lần con số 2.000 tỷ đồng - mà ông Khải hoảng hốt cho rằng không thể chấp nhận được. Con số bội chi thực sự phải kể đến sự mất đi gần hết của viện trợ Liên Xô, được chính quyền cộng sản ước lượng vào mức 28% ngân sách, một điều mà chính thủ tướng Võ Văn Kiệt cũng đã nhìn nhận nhưng lại bị lờ đi khi làm ngân sách. Có lẽ vì sự thật quá bi đát nên giới chức cộng sản đã không dám nhìn thẳng nó. Chúng ta có thể tưởng tượng là ban lãnh đạo cộng sản đang lo âu tới mức nào.

Số vốn tiếp tục thất thu

Dựa trên mức lạm phát, Bộ Tài Chính đã điều chỉnh số thu 8.630 tỷ và coi đó là mức tối thiểu nhất định phải đạt tới "bằng mọi giá" (theo lời ông Khải) trong bốn tháng còn lại kể từ tháng 9-1991 trở đi. Đây là một cam kết liều lĩnh vì số dự thu đó không

thế nào đạt được.

Thật vậy, trong 6 tháng đầu năm 1991 và dựa trên báo cáo của Võ Văn Kiệt, số thu ngân sách chỉ đạt 43,7% mức dự trù trong 6 tháng. Với tỷ lệ 43,7% này, trong 8 tháng đầu năm 1991, ngân sách chỉ thu được 2.130 tỷ (số dự thu nguyên thủy 7.290 tỷ). Do đó, số thu trong bốn tháng còn lại phải lên 6.500 tỷ, tức gấp ba số thu trong 8 tháng qua. Nói một cách khác, Phan Văn Khải đã gián tiếp cho biết nhịp độ thu thuế phải tăng 6 lần. Trong tình trạng kiệt quệ và lổ lỗ của các đơn vị kinh tế Việt Nam, nếu chính quyền cộng sản quả quyết đạt cho bằng được mức thu này, họ chỉ có cách dùng súng để cướp đoạt. Mà muốn cướp cũng không có gì để cướp vì một phần lớn xí nghiệp đã cạn hết vốn.

Ai cũng biết rằng năng suất thuế tùy thuộc tình hình kinh tế và mức độ lạm phát, đặc biệt là các sắc thuế dựa trên thương vụ của các xí nghiệp như trường hợp các thuế thương vụ và các sắc thuế gián thu dựa trên trị giá hàng hóa (ad-valorem). Muốn đạt chỉ tiêu nói trên thì phải chấp nhận những giả thuyết khó tưởng tượng: lạm phát hơn 300%, gia tăng thuế suất gấp đôi, ban hành những sắc thuế mới... và cũng không được để có thất thu trên các xí nghiệp quốc doanh. Nhưng ông Phan Văn Khải lại cho biết ngay số thuế do các xí nghiệp quốc doanh sẽ sút giảm từ 30 đến 40%! Chính quyền cũng cho biết ngoại thương so với năm 1990 cũng đã sút giảm 27% vì mất phần thị trường Đông Âu và Liên Xô và không còn dự trữ ngoại tệ. Dương nhiên phần thu trên xuất nhập khẩu cũng không thể gia tăng bằng tỷ lệ mất giá của đồng bạc. Một sai lầm kỹ thuật của những người làm ngân sách Việt Nam là họ không tiên liệu được rằng mức lạm phát sẽ thay đổi từ 40% trong quý đầu tới 200% trong quý cuối năm 1991.

Chính quyền kêu gọi các nhân viên thuế vụ truy thu các sắc thuế (lợi tức, thuế mướn đất đai, môn bài, chuyển nhượng bất động sản, thuế tiêu thụ đặc biệt...). Nhưng chính quyền cộng sản cũng nhìn nhận hiện nay có hơn 60% cán bộ thu thuế không rành nghiệp vụ.

Cũng giống như đa số các nước chậm tiến khác, số thu về thuế ở nước ta còn ở mức thấp. Nếu không kể phần thu trên khu vực quốc doanh, số thu do tất cả các sắc thuế mang lại cũng chưa quá 5% TSLQG mặc dù tỷ suất tương đối được coi là khá cao so với mức trung bình của các nước khác. Trong hai năm qua, nhà nước đã lấy nhiều biện pháp để tăng thuế: thuế lợi tức cá nhân, thuế thương vụ, thuế xuất nhập khẩu, thuế trên tiền lời của các xí nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt, v.v... Tuy nhiên, năng suất thuế vẫn còn rất kém và thu thuế vẫn còn là vấn đề nhức nhối cho chính quyền cộng sản.

Trong mọi quốc gia, thuế biểu hiệu sự đóng góp của dân chúng để trang trải những chi phí chung như an ninh, quốc phòng, giáo dục... cũng như những đầu tư vào các hạ tầng cơ sở hay những dự án có tầm vóc mà tư nhân không có đủ vốn. Nhưng mức độ đóng góp hoàn toàn tùy thuộc vào khả năng kinh tế của quốc gia. Một cách đơn giản nhất, nếu nền kinh tế bị trì trệ suy sụp thì số thu đương nhiên sẽ thấp đi. Nhưng trong hoàn cảnh của Việt Nam mức sút giảm của số thuế vượt quá mức dự trù do hai lý do chính. Lý do đầu tiên là thiếu sót về "kỹ thuật" cơ bản để thu được thuế

như căn bản để tính thuế, cách thức khai báo kiểm soát, các sắc thuế không chồng chất lên nhau, các luật lệ về thuế khóa đơn giản và dễ hiểu, nhân viên thuế vụ hiểu rõ luật lệ, có một hệ thống kế toán thương mại... Lý do thứ hai là những sai lầm tâm lý mà chính quyền cộng sản Việt Nam đã vấp phải. Một trong những sai lầm tâm lý cơ bản phải kể trước nhất là không có sự công bình trong việc thu thuế: đánh thuế trên nông dân, giới thương gia, lương bổng và lợi tức các xí nghiệp tư nhưng vẫn miễn thuế cho một số các xí nghiệp quốc doanh, cơ sở làm ăn thuộc quyền của Đảng. Hơn nữa, trước những nạn hối lộ, tham nhũng, chiếm đoạt tiền của, phí phạm công quỹ, là những động cơ thúc đẩy quần chúng tìm đủ mọi biện pháp để trốn thuế, hoặc mua chuộc sự che chở của những viên chức có quyền thế khiến con số thất thu lại càng lớn và nạn hối lộ mỗi ngày một bành trướng thêm.

Số chi và bội chi tiếp tục leo thang

Trong khi phần thu sút giảm thì các khoản chi tiêu của ngân sách vẫn tiếp tục leo thang mặc dù nhà nước đã cố hết sức để giới hạn số chi trong những năm vừa qua vì số viện trợ của Liên Xô bị cắt giảm và cũng để thỏa mãn những đòi hỏi của các định chế tài chính quốc tế nếu Việt Nam muốn được cấp tín dụng.

Số chi cho toàn năm 1991 được nhà nước dự trù là 10.630 tỷ đồng, tương đương với 1 tỷ USD (hối suất 10.000 đồng/1 USD) tức chỉ xấp xỉ 8% TSLQG (12 tỷ). Đây là một giả thuyết tương đối thấp vì số chi này chỉ đủ cho các chi phí điều hành tức để trả lương cho quân đội, cán bộ, công chức. Với giới hạn này thì hoàn toàn không có đầu tư và cũng không có vấn đề tăng lương cho công nhân viên, cán bộ trong 4 tháng cuối năm dù lạm phát giá cả có thể vượt quá con số 300%. Ông Khải đã nói đúng khi ông cho rằng ổn định được ngân sách, tiền tệ, tài chính là sự sống còn của chế độ. *Nhận định này đồng nghĩa với khẳng định rằng chế độ sẽ không thể tồn tại.*

Trong mọi trường hợp, kinh tế tư bản cũng như kinh tế xã hội chủ nghĩa, ngân sách quốc gia luôn luôn có ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ trên toàn thể các hoạt động kinh tế như tạo công ăn việc làm, đầu tư phát triển hay xây dựng các hạ tầng cơ sở, ảnh hưởng trên vật giá, tiết kiệm, giá nhân công, lãi suất, v.v... Nhưng quan trọng hơn hết, ngân sách còn là một công cụ **tái phân phối lợi tức** để giảm bớt những bất công xã hội: phụ cấp cho những người nghèo, thất nghiệp, đồng con, tàn tật, cô nhi quả phụ, thương phế binh, v.v... Sau cùng, ngân sách cũng phải có những khoản dự phòng để cứu giúp đồng bào bị thiên tai, tái thiết nhanh chóng những hạ tầng cơ sở bị tàn phá để hoạt động kinh tế không bị gián đoạn.

Ngân sách đã bị cắt xén đến độ phần "tái phân phối lợi tức" hoàn toàn không đáng kể trong ngân sách của Việt Nam trong suốt thời gian qua. Từ hai năm qua tình thần liên đới quốc gia kể như đã bị xóa bỏ khỏi danh sách những mục tiêu của nhà nước cộng sản. Vấn đề giảm chi là một bất buộc, nhưng chính quyền hiện nay hoàn toàn bất lực trong việc cắt giảm phần chi ngân

sách. Họ cũng không thực hiện được việc sắp xếp lại các khoản chi cho hợp lý dựa trên những hiệu quả về kinh tế và xã hội vì vẫn lý luận theo chủ nghĩa xã hội và đã bác bỏ những biện pháp giảm chi đã được các cố vấn ngoại quốc đề ra cho Việt Nam như: giảm thiểu tối đa những chi phí hành chính và an ninh quốc phòng bằng cách thu hẹp số các Bộ, Sở, các cơ quan hành chính trung ương, địa phương cũng như việc giảm bớt quân số. Giảm chi đòi hỏi phải loại ngay khỏi ngân sách quốc gia những chi phí trực tiếp hay gián tiếp liên quan đến đảng cộng sản. Sau cùng chính quyền vẫn tiếp tục tài trợ cho các xí nghiệp quốc doanh lỗ vốn và ra chỉ thị cho các ngân hàng tiếp tục cấp phát tín dụng cho các xí nghiệp quốc doanh này mặc dù tổng số nợ đảo hạn không trả được đã lên tới 10.000 tỷ đồng (1 tỷ USD), mà đa số do hệ thống ngân hàng thương mại cấp. Theo những mẫu mực tài chính về ngân hàng thì hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam nếu không được ngân hàng nhà nước tiếp tục cung cấp ngân khoản phải được coi là đã ở trong tình trạng hoàn toàn bị "khánh tận".

Lạm phát

Mức bội chi và cách tài trợ số bội chi của chính quyền là hai nguyên nhân chính gây nên lạm phát phi mã và tri trệ kinh tế.

Như đã nêu trên, tổng số bội chi sẽ ít nhất tương đương với 5% TSLQG theo cách tính lạc quan nhất, tức vào khoảng 6.000 tỷ đồng hay 600 triệu USD cho toàn niên khóa 1991. Con số này tuy chỉ là một con số rất nhỏ đối với đa số quốc gia trên thế giới nhưng lại rất lớn đối với Việt Nam trong tình trạng kiệt quệ ngày nay. Nhà nước chỉ còn hai cách để tài trợ thiếu hụt ngân sách: mượn tiền của dân chúng và hoặc phát hành thêm giấy bạc.

Trong những quốc gia bình thường, chính quyền thường dựa vào thị trường tài chính, tiền tệ để tài trợ một phần lớn số thiếu hụt ngân sách bằng cách thu hút tiết kiệm của dân chúng bằng những biện pháp phát hành công trái, công khó phiếu. Những biện pháp này có tác dụng kìm hãm sự gia tăng khối lượng tiền tệ lưu hành và giải tỏa áp lực lạm phát. Chính quyền Việt Nam đã thất bại trong việc phát hành công trái dù đã có thí nghiệm phương pháp này trước đây vài năm. Với mức lãi suất cao, tiết kiệm ngắn hạn và ít ỏi, không lập được một thị trường tài chính và nhất là không được dân chúng tin tưởng sau những vụ lường gạt tín dụng, cách tài trợ này không sử dụng được nữa. Chỉ còn cách phát hành thêm tiền. Nhưng phát hành tiền làm cho đồng bạc mất giá và là hình thức cướp bóc tàn nhẫn nhất vì nó đánh một cách mù quáng vào tất cả mọi người bất kể giàu nghèo.

Mức độ lạm phát trong ba tháng đầu năm 1991 ở mức 40%/năm được coi là tốt, nhưng trong sáu tháng tiếp theo từ tháng 4 đến tháng 10, nó đã lên tới mức 125%/năm và người ta không thấy bằng cách gì nó có thể đứng lại ở cái mức độ vốn đã rất kinh khủng này. Lạm phát sẽ tiếp tục lên cao trong khi lương bổng sẽ không thể tăng và còn có cơ sẽ không được phát đúng lúc. Quân đội, công nhân viên sẽ là những nạn nhân đau khổ nhất. Nếu nhất định phải làm một tiên liệu, có thể không chính xác vì không ước lượng được số ký thác qua hệ thống ngân hàng, cũng như số ngoại

tệ và vàng được chuyển qua thị trường chợ đen để tài trợ nạn buôn lậu, ta có thể nói áp lực lạm phát sẽ vô cùng gay gắt trong những tháng tới và năm 1992 sẽ khó tránh khỏi một mức độ lạm phát trên 250%. Hệ thống ngân hàng vì số ký thác sút giảm và không đòi được nợ sẽ đương nhiên hạn chế số tín dụng cấp phát gây ra một tình trạng thiếu tiền mặt. Tri trệ kinh tế do đó sẽ là một kết quả tất nhiên. Lạm phát giá cả, lãi suất tăng cao, đồng tiền Việt Nam mất giá trong khi thanh khoản lại thiếu, xí nghiệp phá sản, v.v... các yếu tố cần thiết cho một sự nổ bùng đang dần dần hội đủ.

Vô phương cứu chữa?

Từ hơn 6 tháng qua Việt Nam bị khủng hoảng kinh tế rất nặng. Cuộc khủng hoảng này trầm trọng hơn tất cả mọi cuộc khủng hoảng trước đó vì 3 nguyên nhân chính: hết viện trợ của Liên Xô, nhà nước không còn dự trữ vàng và ngoại tệ, quyền chủ động kinh tế không còn nằm trong tay nhà nước vì nạn tham nhũng và buôn lậu đã bành trướng quá sức tưởng tượng.

Trong năm 1991 mức viện trợ của Liên Xô đã mất gần hết và sắp mất hết, trong khi đó vốn đầu tư nước ngoài cũng không ờ ạt như chính quyền dự phóng nhất là khi lệnh cấm vận vẫn còn tiếp tục. Ngay trên vấn đề đầu tư chính quyền cộng sản Việt Nam vẫn có những nhận định sai lạc. Số vốn đầu tư của ngoại quốc chỉ có tác dụng rất giới hạn trên ngân sách quốc gia một khi chưa có sản xuất hàng hóa. Nếu việc quản lý ngoại tệ không đúng đắn thì đầu tư ngoại quốc chỉ đem tới những kết quả trái ngược do nhu cầu chuyển ngân ra ngoại quốc để nhập khẩu hàng hóa hoặc để thanh toán tiền lời, lợi tức... Ngoài ra, số vốn đầu tư thường do ngân hàng hay thị trường tài chính cung cấp cho nên các công ty phải giới hạn tối đa số vốn luân chuyển và do đó số ngoại tệ dư thừa nằm trong hệ thống ngân hàng Việt Nam thường không có tầm vóc đáng kể. Nhu cầu tài trợ ngân sách đòi hỏi những khoản viện trợ cho không hoặc cho vay dài hạn để nhập cảng những nhu yếu phẩm và một cách tổng quát để giúp chính quyền bớt sử dụng máy in bạc để giải quyết tình trạng thiếu hụt ngân sách. Trừ những khoản vay đặc biệt qua Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế hay các cường quốc để tài trợ thiếu hụt ngân sách và cán cân chi phí, đa số những dự án đầu tư do các công ty xí nghiệp quốc tế tài trợ chỉ cung cấp đủ số ngoại tệ đúng nhu cầu của dự án.

Cũng nên nhắc lại là chính quyền đã tung hết số dự trữ ngoại tệ và bán cũng như đem cầm hết số vàng dự trữ để ổn định tình hình kinh tế tài chính trong những năm 1985-1988. Ngày nay số vàng dự trữ chính thức chỉ còn 15 triệu USD (nếu tính theo thời giá thì cũng chỉ được tới đa 30 triệu USD). Mức dự trữ này chỉ bằng 6%-7% số vàng và ngoại tệ nằm trong tay những tổ chức buôn lậu. Chính quyền hiện nay dù nhận định được những tai hại của nạn tham nhũng và buôn lậu và có đủ công an, quân đội trong tay vẫn bất lực trong chương trình bài trừ những tệ đoan nói trên, bởi vì tương quan lực lượng đã quá bất lợi cho chính quyền cộng sản.

Những lời biện minh của các viên chức cao cấp phải được coi như những lời thú tội của những kẻ "bất lực" trước tình thế.

Làm thế nào?

Muốn ra khỏi vòng lẩn quẩn : Bội chi - Lạm phát - Tri trệ kinh tế - Thất nghiệp, có rất nhiều biện pháp thuần túy kỹ thuật mà có lẽ nhiều chuyên viên Việt Nam cũng đã từng quen biết và đã áp dụng. Giải quyết vấn đề ngân sách trên lý thuyết cũng chỉ đòi hỏi những kỹ thuật và kinh nghiệm không quá phức tạp, không vượt quá tầm tay của những chuyên viên kinh tế trong guồng máy nhà nước hiện nay.

Tuy nhiên chính quyền cộng sản đã thất bại và sẽ thất bại mỗi ngày một thể thảm hơn vì vấn đề thực sự đặt ra một cách rất khác.

Vấn đề thực sự không phải là ngân sách mà là chính sách. Sẽ không thể có giải pháp kỹ thuật nào giải quyết được ngân sách trong khuôn khổ của chính sách hiện nay. Vấn đề ngân sách nói riêng, và kinh tế Việt Nam nói chung, chỉ có giải đáp trong một chính sách quốc gia khác.

Trước hết phải cắt giảm một cách quả quyết ngân sách an ninh quốc phòng, gánh nặng đang chiếm quá phân nửa tổng số chi phí quốc gia. Cần cắt đi ít nhất phân nửa. Nhưng như thế là đòi hỏi một chọn lựa chính trị khác. Trong một hoàn cảnh quốc gia không có chiến tranh, bộ máy quân đội, công an chủ yếu dùng để bảo vệ chế độ, phòng hờ những chống đối từ nhân dân trong nước. Muốn giảm thiểu chi phí công an, quân đội phải bỏ quan niệm cai trị bằng sức mạnh để chấp nhận quan niệm cai trị bằng đồng thuận. Mà muốn cai trị bằng đồng thuận thì điều kiện tiên quyết là chấp nhận chỗ đứng và tiếng nói ngang nhau cho mọi khuynh hướng, kể cả khuynh hướng cộng sản lẫn những khuynh hướng không cộng sản. Điều này đòi hỏi đảng cộng sản phải từ bỏ độc quyền chính trị, chấp nhận đa nguyên chính trị. Nhưng đảng cộng sản không chịu như vậy và vẫn khăng khăng giữ độc quyền cho mình. Chế độ vì thế bắt buộc phải dồn phân nửa ngân sách cho bộ máy đàn áp. Nhưng thời cuộc đã thay đổi và tình hình Việt Nam không thể tiếp tục như trước nữa. Bỏ qua mọi thắc mắc về đạo đức, chỉ có hai triết lý cai trị: bằng bạo lực hay bằng đồng thuận. Chính quyền cộng sản không thể cai trị bằng đồng thuận bởi vì tập đoàn cầm quyền hiện nay chỉ là một thiểu số trong đảng cộng sản và đảng cộng sản cũng chỉ là một thiểu số rất nhỏ trong cộng đồng dân tộc. *Chính quyền cộng sản bắt buộc phải cai trị bằng bạo lực, nhưng lại không có phương tiện để duy trì bạo lực. Cái chết chắc chắn của nó là ở đó, chứ không phải là vì một lý do kỹ thuật hay ngân sách nào cả.*

Một biện pháp nữa cũng có khả năng giải tỏa rất nhiều áp lực ngân sách là giải tư toàn bộ các xí nghiệp quốc doanh. Biện pháp này sẽ đem lại một số thu lớn và cũng sẽ chấm dứt những tài trợ mà nhà nước cứ tiếp tục phải chi cho các xí nghiệp lỗ lã như đổ nước vào những chiếc thùng không đáy. Nhưng biện pháp này cũng đòi hỏi phải từ bỏ "con đường đi lên chủ nghĩa xã hội lấy khu vực công làm nền tảng".

Khoản đầu tư quá ít ỏi (3.000 tỷ đồng hay 300 triệu USD) cũng nên bỏ hẳn đi, để tiết kiệm một phần, còn một phần chuyển sang cho khoản bảo trì đường sá, cầu cống. Nhưng như thế cũng có

nghĩa là nhà nước phải từ bỏ hẳn chức năng kinh doanh để chỉ làm nhiệm vụ của một nhà nước dân chủ.

Cũng không nên quên một chân lý đời đời là chỉ có thể có ngân sách nếu có kinh tế và chỉ có thể có ngân sách mạnh nếu có kinh tế mạnh. Người Việt Nam nào không thấy tủi hổ vì tổng số ngân sách của nước ta với 67 triệu dân chỉ bằng 1 tỷ USD, nghĩa là chưa bằng một phần mười số tiền mà người Pháp (55 triệu dân) tiêu xài về thuốc lá (15 tỷ USD), và cũng chưa bằng số tiền mà một nước nổi tiếng nghèo đói như Miến Điện bỏ ra mua vũ khí của Trung Quốc.

Cần tranh thủ được sự nâng đỡ của thế giới, cần lôi kéo được đầu tư của nước ngoài và cần động viên tốt mọi khả năng quốc gia. Điều này ai cũng biết. Nhưng thế giới không thể giúp đỡ một chế độ độc tài chuyên chính thối nát dư luận quốc tế. Đầu tư nước ngoài cũng không thể ào ạt dồn vào một nước, dù có công nhân khá và vị trí tốt, nhưng rất bất ổn về chính trị vì chính quyền ngoan cố theo đuổi một chủ nghĩa đang sụp đổ. Sinh lực quốc gia cũng không thể nào động viên được bởi một chế độ dành tất cả mọi đặc quyền cho một thiểu số cộng sản. Cái tội lớn của chính quyền này là nó dám xác xược thách đố cả những sự thật hiển nhiên nhất.

Chọn lựa bắt buộc

Sau cùng, cũng xin có một đôi lời về định hướng cho đất nước. Giải tư và cắt giảm chi phí an ninh quốc phòng là điều bắt buộc phải làm trước bài toán ngân sách hiện nay. Không ai phủ nhận rằng đất nước nào cũng cần có quân đội và cũng không ai ngây thơ và vô trách nhiệm tới mức muốn xóa bỏ quân đội. Nhìn một cách khách quan, ngân sách quốc phòng của nước ta hiện nay, 4% TSLQG, không phải là quá lớn. Đa số các quốc gia có tỷ lệ cao hơn. Nhưng mọi ngân sách đều là thể hiện của chọn lựa quốc gia và đều phải tùy theo hoàn cảnh của đất nước. Chúng ta không thể có ngân sách an ninh quốc phòng như hiện nay. Một bà triệu phú có thể dùng 50% lợi tức cho sắc đẹp, nhưng một bà nội trợ có chồng là một công nhân đang thất nghiệp không thể dùng 10% ngân sách ít ỏi của gia đình cho sơn phấn. Chúng ta đã quá kiệt quệ cho nên chúng ta không thể là một sức mạnh quân sự. Chắc chắn chúng ta sẽ yếu hơn về quân sự so với đa số các nước trong vùng. Và chúng ta phải chấp nhận như vậy bởi vì không chấp nhận cũng không được.

Còn lại một chủ nghĩa nước nhỏ, trong đó mọi người Việt Nam cúi đầu cúi người vì số phận hẩm hiu của đất nước, vứt bỏ mọi thái độ huênh hoang tự cao tự đại, nhận ra mối nhục chung, bỏ ý đồ thống trị lẫn nhau, xin lỗi nhau và tha thứ cho nhau, nhận nhau như những người anh em bình đẳng, rồi đứng dậy đất tay nhau, mà đi tới.

Như thế, và chỉ có như thế, thì dù đa số những con người của đất nước hôm nay sẽ vẫn phải tiếp tục sống trong một thời gian dài trong cái nhục nghèo khổ mà đảng cộng sản Việt Nam đã chụp lên đất nước, nhưng các thế hệ mai sau sẽ khá hơn.

Lê Văn Đăng

Đổi mới kinh tế có gỡ được thế bí của Đảng Cộng Sản Việt Nam ?

Nguyễn Chính Phương

Nguyễn Chính Phương, 47 tuổi, tốt nghiệp Viện Đại Học Phát Triển Kinh Tế Xã Hội (Institut de Développement Economique et Social) tại Pháp, là chuyên viên kinh tế của Việt Nam Cộng Hòa. Ông hiện làm việc tại Canada.

Cuộc khủng hoảng kinh tế Việt Nam rõ ràng nghiêm trọng từ 1985-1986. Năm 1986, Đại Hội VI đảng cộng sản Việt Nam chấp nhận "đổi mới tư duy". Cũng năm đó, theo thống kê chính thức, lạm phát vật giá là 585%. Tiếp năm sau, đảng cộng sản Việt Nam buộc phải mở cửa kinh tế chào đón tư bản nước ngoài. Ngày 29-1-1987 luật đầu tư nước ngoài được ban hành. Trên giấy tờ, từ lúc luật này ra đời cho tới cuối tháng 6-1991, tổng cộng có tất cả 280 dự án đầu tư với tổng số vốn là 2,1 tỷ USD. Trong thực tế, có bao nhiêu dự án được thi hành, có bao nhiêu vốn nước ngoài thực sự vào Việt Nam đầu tư thì không thấy nhà nước cộng sản Việt Nam công bố. Bí mật nhà nước chăng?!!! Tuy nhiên tác giả bài này nghĩ rằng mình không sai nếu nhận định rằng việc mở cửa kinh tế, ban hành luật đầu tư nước ngoài, thành lập khu chế xuất (không hiểu tại sao chính quyền cộng sản Việt Nam lại không đặt tên "khu chế xuất TP Hồ Chí Minh"/HCM Export Zone thay vì "khu chế xuất Sài Gòn"/Saigon Export Zone/SEPZONE), tổ chức dẫn đầu tư ở trong nước, đi ra nước ngoài vận động... cho tới nay chỉ đạt được một số kết quả không sáng lắm nên không tiện phổ biến.

Tại sao nỗ lực "đổi mới tư duy" và vận động tư bản nước ngoài vào Việt Nam đầu tư mà vẫn không thành công? Ấy là bởi nhiều nguyên do. Nguyên do rõ thấy nhất là sự cấm vận của Hoa Kỳ, nhưng đó là nguyên do bên ngoài, có tính nhất thời, có thể làm tan biến mau chóng bất cứ lúc nào. Có những nguyên do khác, nội tại và cơ bản, khó thấy hơn, khó giải quyết hơn và sẽ dằng dai trong thời gian lâu, chủ yếu là:

- Cơ sở luật pháp Việt Nam là đảng cộng sản Việt Nam chứ không phải là hiến pháp và các bộ luật. Cái pháp luật đó của đảng rất võ đoán. Đặc biệt về luật thương mại thì thiếu các tiêu chuẩn quốc tế thông thường (luật đầu tư và các văn kiện qui định việc thi hành luật đầu tư là một ví dụ). Nói chung, luật pháp Việt Nam là một khuôn mẫu khờ cứng và lỗi thời. Các thủ tục rườm rà và gò bó, hoặc đầy mùi "tra hỏi". Trong điều kiện như thế, tư bản nước ngoài rất dằn dỗi, tới Việt Nam muốn đầu tư nhỏ thôi, làm ăn ngắn hạn, tìm cách thu vốn và lấy lời mau chóng rồi tính toán

thêm sau.

- Sản ngạch về nguyên liệu và tư liệu sản xuất của Việt Nam không hơn gì các quốc gia khác, ngoại trừ ngư sản có thể tăng cao sản xuất mau chóng và dầu hỏa có dự trữ phòng định khá quan trọng. Bởi vậy, Việt Nam không dễ gì thu hút đồng đảo tư bản ngoại quốc vào Việt Nam đầu tư những món tiền lớn. Ngoài ra còn có những trở ngại khó khăn khác như: tình trạng hệ thống giao thông - vận chuyển suy sụp; lề lối làm việc công thức và tổ chức hành chính đầy những khâu vô tích sự; đội ngũ cán bộ mọi cấp kém về quản trị, dốt về kỹ thuật...

- Việt Nam thiếu nhiều lao động chuyên môn nắm vững kỹ thuật sản xuất hiện đại, hiểu biết phương pháp quản lý khoa học, quen thuộc với luật lệ và thủ tục giao thương quốc tế... Tóm lại, "chất xám" về mọi ngành thấp kém, một phần vì chế độ khép kín, cản trở sáng kiến, và phần khác vì số đông người Việt có khả năng đã bỏ nước ra đi hoặc bị ruồng bỏ ("hồng hơn chuyên" mà!). Để thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh, đất nước cần những sư đoàn chuyên gia và tay nghề chuyên môn chứ không cần bộ binh, thiết giáp và công an.

Hầu hết giới tư bản nước ngoài đến Việt Nam quan sát và tìm hiểu, tựu trung đều nêu lên ba vấn đề vừa kể làm nản lòng ý muốn giao thương và đầu tư thiết lập cơ sở sản xuất ở Việt Nam. Chẳng hạn, tài liệu của Mitsui Research Institute số 10, tập 4 xuất bản cuối năm 1990 đã viết rằng: "vấn đề nghiêm trọng nhất là sự thiếu thốn "chất xám"... hạ tầng cơ sở phần lớn vẫn còn nát... trong thời gian đi quan sát thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, phái đoàn (Mitsui) không chứng kiến một công trình xây cất nào đang tiến hành cả, dù là làm đường, đặt cống hay xây nhà..." (Pacific Business and Industries, trang 12).

Giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam lý luận rằng Việt Nam nên bắt chước Trung Quốc, "đổi mới" kinh tế trong khuôn khổ chủ nghĩa xã hội, thiết lập những khu chế xuất, ưu đãi tư bản nước ngoài... tức tư bản ngoại quốc sẽ vào Việt Nam xây cất cơ xưởng, giúp mở mang nông nghiệp, lập ra những dịch vụ mới, làm tăng trưởng sản xuất nhiều mặt hàng khác

nhau. Như thế khủng hoảng kinh tế và xã hội sẽ được khắc phục, thay đổi chính trị sẽ không cần thiết, khủng hoảng niềm tin sẽ bị chặn đứng.

Chủ trương giải quyết khủng hoảng kinh tế kiểu đó quá thật vô cùng máy móc (máy móc vốn là quán tính của con người xã hội chủ nghĩa). Đồng thời nó cũng thể hiện sự hiểu biết nông cạn và sự thiếu thốn sáng kiến nghiêm trọng của giới trách nhiệm kinh tế Việt Nam. Trung Quốc bắt đầu mở cửa kinh tế từ đầu thập niên 80 và đã đạt được những kết quả không chối cãi được. Giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam mơ tưởng rằng theo gót Trung Quốc tất tình hình kinh tế - xã hội trong nước sẽ sáng. Giống như Trung Quốc đã làm, đảng cộng sản Việt Nam đã quyết định những biện pháp sau đây:

- Xóa bỏ chế độ bao cấp: tức là xí nghiệp quốc doanh tự quản, tự tìm vốn đầu tư, không buộc phải cấp cho nhà nước số lượng mặt hàng qui định như trước theo hạn ngạch (quota)...

- Trao thêm quyền kinh tế cho các cơ quan hành chính tỉnh hoặc khu: các cơ quan này được quyền thương thảo, ký giao ước xuất khẩu... với công ty nước ngoài; xí nghiệp nằm trong địa bàn mỗi tỉnh hoặc khu trực tiếp liên hợp đầu tư và buôn bán với nước ngoài...

- Phát huy kinh tế cá thể của các hộ nông dân: ruộng đất được chia để cày cấy khoán trong thời gian tối thiểu 15 năm; lúa gạo mua bán theo giá cả hợp đồng hoặc "thị trường". Ngoài ra, quan niệm nông nghiệp phải tự cung tự cấp tại mỗi vùng cũng được xóa bỏ.

- Mở cửa kinh tế đối với bên ngoài: ban hành luật đầu tư nước ngoài; thiết lập khu chế xuất SEPZONE; ưu đãi tư bản nước ngoài và vận động các nước tiên tiến vào Việt Nam xây cất cơ xưởng, mở mang dịch vụ.

Giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam chủ trương như vừa kể mà không hiểu rằng Trung Quốc mở cửa kinh tế và đã đạt một số kết quả tốt mặc dù vẫn khép chặt chính trị là vì những lý do rất đặc biệt:

- Thời kỳ mở cửa kinh tế của Trung Quốc nằm trong tiến trình tăng trưởng và mở mang kinh tế đầy chuyển trong vùng Thái Bình Dương, khởi phát từ Nhật Bản, kể đó truyền sang 4 "con rồng Á Châu" (Đài Loan, Hồng Kông, Nam Triều Tiên và Tân Gia Ba), rồi lan tiếp sang các nước ASEAN và Trung Quốc. Vào lúc Trung Quốc bắt đầu mở cửa, chiến tranh lạnh vẫn còn và sự chuyển hướng được coi là đủ và rất đáng khích lệ. Và lại lúc đó Trung Quốc tỏ ra là muốn thay đổi thực sự cả về chính trị nữa nên đã được thế giới nhìn như một nước thực sự muốn ra khỏi chế độ cộng sản và đáng được khuyến khích. Chỉ từ cuối thập niên 80 khi những thay đổi về kinh tế xã hội đưa đến những đòi hỏi một nhịp độ dân chủ hóa nhanh và mạnh hơn tạo đe dọa cho chỗ đứng của đảng cộng sản, Bắc Kinh mới khựng lại và cũng từ lúc đó đầu tư của nước ngoài vào Trung Quốc cũng giảm sút. Ngày nay thế giới đã thay đổi, phong trào

cộng sản đã sụp đổ, nhiều thị trường mới đã mở ra tại Đông Âu và Liên Xô, các nước Phương Tây đòi hỏi những bước dân chủ hóa rõ rệt và mạnh dạn hơn chứ không còn dễ dãi chấp nhận những chính sách đổi mới nửa chừng nữa.

- Tư bản nước ngoài đầu tư vào Trung Quốc là tư bản Hồng Kông. Trong thập niên 80-90, 2/3 tư bản nước ngoài đầu tư vào Trung Quốc là của Hồng Kông. Tại sao như vậy? Vì rất nhiều lẽ: địa thế gần sát; Hồng Kông rất cần tay nghề của Trung Quốc (năm 1990 có khoảng 2 triệu người lao động của lục địa làm cho các công ty Hồng Kông, tức gấp 2,5 lần số lao động sản xuất công nghiệp tại Hồng Kông); Hồng Kông cần một thị trường để tái xuất khẩu mặt hàng mà trị giá gia tăng tại Hồng Kông dưới 25% (kể từ 1988, hàng tái xuất khẩu nhiều hơn hàng xuất khẩu); 98% dân Hồng Kông nói tiếng Quảng Đông nên giao thương dễ dàng với tình này của Trung Quốc, và Hồng Kông cũng có những ràng buộc lịch sử và tình cảm rất đặc biệt với Trung Quốc.

- Ngày nay, đại đa số tư bản nước ngoài khác đầu tư vào Trung Quốc là của Hoa kiều sinh sống tại Hồng Kông, Tân Gia Ba, Đài Loan, Macao..., cũng do những ràng buộc tình cảm tương tự như Hồng Kông đối với Trung Quốc. Kể đó là tư bản Nam Triều Tiên. Tại sao Nam Triều Tiên? Bởi vì Nam Triều Tiên sát vách với Trung Quốc, và cũng muốn tăng cường ảnh hưởng tại Trung Quốc, để cô lập hóa dần dần Bắc Triều Tiên, buộc Bắc Triều Tiên về lâu về dài phải chấp nhận thống nhất Triều Tiên trong thể thượng phong của Nam Triều Tiên.

Đảng cộng sản Việt Nam nói rằng chính sách mở cửa kinh tế với bên ngoài tri tri, không tiến được là do sự cấm vận của Hoa Kỳ. Như đã nói ở phần trên, cấm vận của Hoa Kỳ chỉ là một yếu tố phụ bên ngoài. Mai đây, một khi Hoa Kỳ và Việt Nam bình thường hóa quan hệ rồi, thì dù có khu chế xuất SEPZONE, dù có ưu đãi tư bản nước ngoài, thì vốn của ngoại quốc đầu tư vào Việt Nam sẽ giới hạn, không ạt nếu đảng cộng sản Việt Nam không thay đổi chính trị. Ngoài ra nếu tư bản nước ngoài vào Việt Nam đầu tư thì sẽ chỉ tập trung vào một số ít ngành như khai thác dầu hỏa, biến chế ngư sản và sản xuất những loại mặt hàng mà các nước khác không thể sản xuất thêm vì bị giới hạn bởi những hạn ngạch xuất khẩu (ví dụ quần áo, đồ chơi...).

Nhìn vào quan hệ thương mại giữa các nước tư bản và xã hội chủ nghĩa thì ta nhận thấy trong quá khứ không có một nước xã hội chủ nghĩa nào lại thu hút nhiều tư bản nước ngoài vào đầu tư và thiết lập cơ sở sản xuất có tầm vóc lớn. Trường hợp Trung Quốc là một ngoại lệ. Còn các nước Đông Âu trước 1990, thì ta thấy dù các nước này thiếu cơ sở sản xuất để có mặt hàng xuất khẩu tới mức tối đa qui định bởi hạn ngạch xuất khẩu, thế mà tư bản nước ngoài cũng chẳng vào đầu tư đáng kể. Chế độ cộng sản Việt Nam sẽ không thu hút được đầu tư nước ngoài bởi vì tư bản quốc tế hiện nay đang có quá nhiều vận hội đầu tư tốt đẹp hơn.

Hạ tầng cơ sở kinh tế của Việt Nam hiện nay quá yếu, tương lai chính trị của Việt Nam lại không ổn định vì nhà nước khăng khăng theo đuổi một chủ nghĩa mà thế giới biết chắc chắn là không thể kéo dài được, sự ngoan cố này sẽ đưa đến những mâu thuẫn và hỗn loạn trầm trọng, chính quyền cộng sản lại khẳng định rằng kinh tế Việt Nam sẽ đặt nền tảng trên quốc doanh vì thế các công ty nước ngoài thành lập tại Việt Nam dù không bị quốc hữu hóa đi nữa cũng sẽ bị kèm giữ ở một tầm vóc rất giới hạn. Trầm trọng hơn hết là lạm phát tại Việt Nam vừa cao lại vừa biến thiên một cách không tiên liệu được. Trong thế giới ngày nay không một công ty nào có thể cứu xét khả năng đầu tư một cách nghiêm túc ở một nước mà mình không biết được trị giá của đồng bạc trong vòng một năm nữa sẽ như thế nào.

Tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam lúc này tóm tắt như sau: viện trợ của Liên Xô và Đông Âu gần cạn (giảm 90%); nguồn tài chính mà trước đây có nhờ 180.000 người Việt lao động tại Đông Âu cũng tiêu tan; lệnh cấm vận của Hoa Kỳ vẫn còn thi hành; số tiền vay nợ nước ngoài chông chát (10 tỷ USD); "chất xám" thiếu hụt; cán bộ bất tài; quản lý sai hỏng... Đó là những khó khăn chủ yếu mà đất nước phải đối phó hiện nay.

Trong phiên họp Đại Hội VII vừa qua của đảng cộng sản Việt Nam, giới lãnh đạo đảng đã biểu quyết giữ cái cơ chế xã hội chủ nghĩa và mong muốn biến nó thành một guồng máy phát triển kinh tế có hiệu suất cao. Ước muốn này tựa như của một con gà mái ấp hòn đá lại hy vọng có gà con! Cơ chế xã hội chủ nghĩa sai hỏng như thế nào tác giả bài này thấy không cần bàn nữa. Tuy nhiên chúng tôi xin nhắc lại ba điều:

1- Sự sụp đổ của cơ chế xã hội chủ nghĩa tại Đông Âu, những đổi thay toàn bộ về chính trị, kinh tế, xã hội, tư tưởng và lý luận đang diễn ra tại Liên Xô, chính sách đổi mới kinh tế mà Trung Quốc theo đuổi từ 10 năm nay là những bằng chứng không thể chối cãi được tỏ rõ rằng chủ nghĩa xã hội là một con thuyền cũ rích bị dòng nước tiến hóa của loài người cuốn trôi sắp chìm.

2- Trung Quốc hiện nay mở cửa kinh tế từng bước, vẫn khép chặt chính trị. Trung Quốc làm được như vậy vì có liên hệ tình cảm giữa người lục địa và người Trung Hoa sinh sống tại Hồng Kông, Macao, Tân Gia Ba, Đài Loan... Chính những người Trung Hoa tại những nơi này cung cấp vốn đầu tư tại Trung Quốc. Tuy nhiên chính trị với kinh tế như "đũa có đôi", không thể tách rời nhau được. Không sớm thì muộn, những biến đổi chính trị sẽ xảy ra tại Trung Quốc. Chỉ một sự kiện sau đây nhưng rất cơ bản sẽ dẫn tới những thay đổi chính trị: việc Trung Quốc thiết lập các đặc khu kinh tế để mở cửa kinh tế với bên ngoài đã khiến sự mở mang kinh tế (nhờ kinh tế thị trường!) tập trung tại một vài vùng ven biển gây cách biệt rất lớn, mâu thuẫn sâu sắc với các tỉnh trong lục địa. Chỉ có một cách giải quyết mâu

thuẫn đó là mở cửa kinh tế ra khắp Trung Quốc, và như thế sẽ đưa tới thay đổi chính trị. Trung Quốc hiện nay đang bối rối lớn.

3- Trung Quốc có diện tích đất đai rộng lớn và là tập hợp của nhiều nước cũ, nếu bỏ nhanh chóng chủ nghĩa cộng sản mà nét đặc thù là một chính quyền trung ương mạnh thì sẽ tan vỡ như ở Liên Xô hay Nam Tư. Các nước Đông Âu, Liên Xô, và Trung Quốc đã phải rất thận trọng trong việc thoát ly chủ nghĩa cộng sản bởi vì chủ nghĩa này đã là sợi dây gắn bó các cộng đồng dân tộc, các nước cộng hòa thành viên, các tỉnh tự trị với nhau. Sự vứt bỏ một cách đột ngột chủ nghĩa cộng sản có thể làm tan vỡ đất nước của họ. Mặc dầu vậy, Liên Xô, Nam Tư, Tiệp Khắc cũng đã phải từ bỏ chủ nghĩa cộng sản và chấp nhận hậu quả của sự chuyển hướng. Điều đó chứng tỏ việc thoát ly chủ nghĩa cộng sản quan trọng tới mức nào.

Nước Việt Nam ta không có vấn đề đó. Trái lại sự theo đuổi ngoan cố chủ nghĩa xã hội - đúng ra chỉ là một chế độ độc tài vì chủ nghĩa xã hội là gì một khi đã đi theo kinh tế thị trường? - còn có thể làm rạn nứt đoàn kết dân tộc và có thể đe dọa sự thống nhất của đất nước về lâu về dài.

Tại Việt Nam, chủ nghĩa xã hội là một viên đá to nặng đeo vào cổ dân tộc khiến người dân không làm được gì hết, dù có sáng kiến, có ý chí. Đất nước dầm chân tại chỗ nếu không muốn nói là suy thoái. Đất nước Việt Nam không có một tập thể người Việt ở nước ngoài có sức mạnh kinh tế có thể so sánh với Hồng Kông, Tân Gia Ba, Đài Loan... Bởi vậy, dùng đường lối Trung Quốc để giải quyết khủng hoảng kinh tế và xã hội Việt Nam chắc chắn không thành tựu được.

Tập thể người Việt ở hải ngoại có khả năng dồi dào về hiểu biết khoa học và kỹ thuật, tay nghề chuyên môn về đủ mọi ngành như sản xuất, dịch vụ ngân hàng, thương mại, quản lý, công nghiệp, đầu tư, tiếp thị... Có lẽ không một quốc gia nào trên thế giới có tỷ số trí thức và chuyên viên ở nước ngoài cao như Việt Nam. Tài liệu của nhà nước cộng sản Việt Nam ước lượng trong số trên 1 triệu người Việt định cư ở nước ngoài có khoảng 200-300 ngàn người có tay nghề khoa học và kỹ thuật chuyên môn.

Chính trị với kinh tế như "đũa có đôi", bởi vì sớm muộn Trung Quốc cũng phải cởi mở chính trị, bởi vì đất nước Việt Nam thiếu hụt nghiêm trọng "chất xám"... giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam phải đổi mới cả chính trị lẫn kinh tế, đổi mới kinh tế sâu rộng, đổi mới chính trị đích thực, phải để người Việt nhận diện nhau, đất nước có nhân hòa ngõ hầu tiến lên thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh. Càng chống lại nguyện vọng của dân chủ hóa của nhân dân Việt Nam, đảng cộng sản càng tiến đến sự sụp đổ trong hỗn loạn.

Nguyễn Chính Phương
Tháng 9-1991

Quá trình dân chủ hóa ở Việt Nam

Nhân Tâm là bút hiệu một trí thức trước đây làm việc ở Bulgaria, nay đã vượt sang Đức tị nạn. Đây là phần hai của một bài tác giả đã viết trước biến cố đảo chính hụt dẫn đến sự phá sản của đảng Cộng Sản Liên Xô. Phần một nói về sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản.

1. Lừa bịp và đàn áp

Sau khi thấy chế độ chuyên quyền cộng sản các nước Đông Âu sụp đổ không thể cứu vãn được, thấy học thuyết Mác-Lê bị tiến công và phá sản vì sai lầm và không nhân bản, các phần tử bảo thủ trong ban lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam lại nêu cao một thần tượng khác, đó là Hồ Chí Minh. Họ mong mê hoặc và lừa dối nhân dân ta, ép buộc nhân dân ta phải tiếp tục đi theo con đường đầy tội lỗi mà họ đã chọn - con đường xã hội chủ nghĩa - với khẩu hiệu đối trá là "Bác Hồ, Đảng và nhân dân đã chọn". Để đạt mục đích đó, họ đã rùm beng đề cao hết mức Hồ Chí Minh, thực chất không phải để đề cao một người đã chết mà chính là để cố níu giữ chiếc ghế và đặc quyền của họ đang bị lung lay, sụp đổ. Vậy Hồ Chí Minh là người thế nào, đã đem lại những gì cho nhân dân, đất nước ta?

Năm 1960, khi nói chuyện với hơn một nghìn sinh viên, thực tập sinh Việt Nam tại Moskva, Hồ Chí Minh đã nói đại ý: "Bây giờ các cháu cố gắng học kỹ thuật để về mà làm, còn về lý luận thì không cần lắm vì đã có người khác" (ý nói Liên Xô, Trung Quốc đã nghiên cứu nhiều rồi). Người đứng đầu một nước, một đảng mà có nhận thức như vậy, thì làm sao không rập khuôn, giáo điều? Kết quả là bao nhiêu sai lầm, tội ác trong "cải cách ruộng đất", trong "hợp tác hóa nông nghiệp", "cải tạo công thương nghiệp", "xây dựng công nghiệp hóa", v.v. và v.v..., làm cho bao nhiêu người vô tội chết oan hoặc tù đầy, cưỡng bức và làm đảo lộn, sụp đổ tất cả các cơ cấu kinh tế của đất nước, tinh thần và đạo đức của dân tộc.

Vì thiếu tri thức lý luận, Hồ Chí Minh đã cuồng tín vào chủ nghĩa Mác-Lê, cực đoan, không sáng suốt, xô đẩy nhân dân, đất nước ta vào những thảm họa tàn khốc nhất của lịch sử dân tộc, đẩy nhân dân ta chìm sâu vào các cuộc chiến tranh tương tàn, nối da nẫu thịt.

Hiện nay, những người bảo thủ trong ban lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam đang tìm mọi cách để lừa bịp, mị dân, vũ đoán và áp đặt cho nhân dân ta là "tự chọn con đường xã hội chủ nghĩa" để họ khư khư ôm lấy con đường ảo tưởng đã bị nhân dân Đông Âu và Liên Xô vứt bỏ. Họ đang cố che đậy, bóp méo quá trình dân chủ hóa ở các nước Đông Âu, bằng cách đưa tin ít ỏi, một chiều hoặc xuyên tạc về những sự kiện đó, về những biến động và khó khăn không thể tránh khỏi: hỗn loạn, khan hiếm, thất nghiệp, v.v... mà nguồn gốc không phải do quá trình dân chủ hóa, mà chính là do chế độ chuyên quyền đã tạo ra. Mục đích của họ là hù dọa và ngấm bảo nhân dân ta không được làm những biến đổi như thế. Họ cố làm cho những người phục dịch trong guồng máy của họ sợ hãi về sự trả thù, báo oán, về nạn khan hiếm, thất nghiệp, về việc hủy bỏ các đặc quyền, đặc lợi... sau khi chế độ dân chủ đa nguyên được thành lập.

Thật ra, nếu nghiên cứu đầy đủ, khách quan quá trình dân chủ hóa ở Đông Âu, thì đó là một thành công to lớn của nhân dân các

nước đó và của văn minh nhân loại. Nó đã diễn ra một cách nhanh chóng, êm dịu, không hoặc rất ít đổ máu, không hoặc rất ít xảy ra việc trả thù báo oán. Quá trình đó xảy ra êm dịu hay phức tạp, tùy thuộc vào mức độ chuyên quyền cộng sản và truyền thống dân chủ ở mỗi nước. Nước nào có truyền thống dân chủ mạnh và mức độ chuyên quyền cộng sản ít, thì ở đó quá trình dân chủ diễn ra êm dịu, ít biến động.

Để cố bám giữ chế độ độc tài cộng sản, trong thời gian qua các thế lực bảo thủ trong đảng cộng sản Việt Nam đã và đang ra sức đàn áp, bắt bớ, bỏ tù những người có tư tưởng dân chủ, tiến bộ trong đảng, trong nhân dân. Việc kỷ luật ông Trần Xuân Bách và một số người khác, việc bắt giam nhà văn nữ Dương Thu Hương và nhiều người khác, việc mở các cuộc càn quét lớn trong cả nước với chiêu bài "chống văn hóa đồi trụy, phản động", v.v... thực chất chỉ là để thẳng tay bắt bớ, tù đầy, tra tấn hàng chục vạn người dân chủ tiến bộ, cấm và tịch thu tất cả các báo chí, ấn phẩm có tư tưởng dân chủ, tiến bộ. Họ đang bỏ cái mặt nạ giả nhân giả nghĩa "đổi mới", "cởi mở", "lấy dân làm gốc, do dân, vì dân" để chuyển nền chuyên quyền cộng sản thành chế độ độc tài cộng sản để đàn áp, bóc lột nhân dân ta.

Mặc dù vậy, phong trào dân chủ đa nguyên ở trong nước cũng như trong cộng đồng người Việt ở nước ngoài, trong thời gian qua, đã hình thành và phát triển mạnh mẽ, phù hợp với trào lưu chung của thời đại. Ở trong nước, tư tưởng và các tổ chức dân chủ đã hình thành và phát triển mạnh trong giới trí thức, học sinh, thanh niên và trong nhân dân, đặc biệt là ở Sài Gòn, Hà Nội và các thành phố lớn. Một số tổ chức, đảng phái đã bí mật hình thành có cương lĩnh, điều lệ như nhóm "Nhân Sĩ Bắc Hà", "Đặt tay nhau đi dưới tấm biển chỉ đường của trí tuệ", v.v... Ở ngoài nước, ngoài những tổ chức và tờ báo dân chủ đã có ở các nước Phương Tây, lực lượng thanh niên, trí thức và những người Việt Nam đang sống tại Đông Âu đã thành lập các tổ chức và các tờ báo dân chủ như: báo Diễn Đàn Praha, Diễm Tin Báo Chí (ở Tiệp Khắc), Đảng Xã Hội Dân Chủ Việt Nam, nhóm Cánh én (Đức), báo Tiếng Nói (Bulgaria), nhằm nói lên tiếng tự do, dân chủ và nguyện vọng của nhân dân, góp phần hình thành và phát triển lực lượng dân chủ của đất nước, từng bước làm sụp đổ chế độ độc tài cộng sản Việt Nam.

2. Khả năng và biện pháp

Như trên đã phân tích, hiện nay tập đoàn bảo thủ trong lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam thực hiện chế độ độc tài cộng sản, đàn áp mọi lực lượng dân chủ tiến bộ trong đảng cộng sản và trong nhân dân làm cho quá trình dân chủ hóa ở nước ta, gặp nhiều khó khăn, phức tạp. Song không thể vì thế mà bi quan, do dự. Theo tôi, quá trình dân chủ hóa ở nước ta sẽ thành công và nhất định sẽ thành công vì:

- Tuy tập đoàn bảo thủ trong đảng cộng sản Việt Nam đang ra sức chống phá phong trào dân chủ, nhưng thế và lực của họ hiện nay đã suy yếu nghiêm trọng và đang trên đà sụp đổ không thể cứu vãn được, nền tảng và chỗ dựa chủ yếu về tư tưởng, tinh thần của họ là chủ thuyết Mác-Lê và uy tín của Hồ Chí Minh đang bị sụp đổ, phá sản.

- Họ đã mất lòng tin một cách nghiêm trọng và thảm hại trong dân chúng. Sự đối trá của họ và đời sống kinh tế, văn hóa, tinh thần của đất nước đang suy sụp, khốn cùng, làm cho đại bộ phận dân chúng không thể tin và chịu đựng được nữa và đang đấu tranh vùng dậy.

- Xu thế thời đại của thế giới ngày nay: hòa bình, dân chủ, nhân

quyền là sức mạnh to lớn không thể nào ngăn cản được. Song cộng sản Việt Nam vẫn ngoan cố, bảo thủ ôm lấy cái thây ma của "chủ nghĩa xã hội", nên họ đã bị cô lập hơn lúc nào hết trên trường quốc tế.

Nếu chúng ta biết qui tụ và kết hợp tất cả các sức mạnh to lớn đó thì có thể áp đảo, cuốn trôi chế độ độc tài cộng sản và xây dựng chế độ dân chủ đa nguyên trên đất nước ta. Như vậy, quá trình dân chủ hóa ở Việt Nam nhất định sẽ xảy ra và xảy ra như thế nào là tùy thuộc vào sức mạnh của phong trào dân chủ và sự ngoan cố bảo thủ của chế độ độc tài cộng sản hiện nay. Để giải quyết vấn đề trên một cách tốt nhất, tránh những sự mất mát, đổ vỡ không cần thiết, chúng ta phải có những biện pháp hữu hiệu và thông minh:

1- Tổ chức và xây dựng nhanh sức mạnh của phong trào dân chủ, bằng cách đoàn kết và tập hợp mọi cá nhân và lực lượng không phân biệt già, trẻ, gái trai, dân tộc, không phân biệt thành phần giai cấp, tôn giáo, tín ngưỡng, xu hướng chính trị hoặc đảng phái ở trong nước hoặc đang sống ở nước ngoài, tán thành quan điểm cơ bản là xây dựng trên đất nước ta chế độ dân chủ, văn minh, hữu ái, nhà nước pháp quyền, đa đảng xây dựng nền kinh tế thị trường hưng thịnh, trên cơ sở chế độ sở hữu tư nhân thành "Mặt Trận Dân Chủ" để làm đối trọng với chính quyền cộng sản và xây dựng nền dân chủ, văn minh, hưng thịnh cho đất nước.

2- Mặt Trận Dân Chủ tranh thủ mọi sự giúp đỡ về vật chất và tinh thần của tất cả các nước và các tổ chức trên thế giới.

Chúng ta phải xây dựng mối quan hệ đặc biệt với các đảng và phong trào xã hội dân chủ ở các nước Tây Âu và Bắc Mỹ, các phong trào dân chủ ở Liên Xô, Trung Quốc, các nước Đông Âu, các lực lượng dân chủ tiến bộ ở Kampuchea, Lào và các nước khác.

3- Chúng ta phải tổ chức và thông tin rộng rãi cho nhân dân trong nước và bầu bạn trên thế giới biết rõ nội dung, mục đích, lý tưởng và hành động của chúng ta, mà hiện nay đang bị chính quyền cộng sản Việt Nam bưng bít, che đậy và lừa bịp một cách quá đáng. Chúng ta phải nói rõ cho nhân dân ta và toàn thế giới biết: giải pháp của chúng ta là giải quyết mọi vấn đề bằng phương pháp hòa bình, thương lượng trên tinh thần hòa giải hòa hợp dân tộc, lấy trí nhân làm trọng, lấy lợi ích tối cao của đất nước, của nhân dân làm gốc.

4- Về đổi mới, Mặt Trận Dân Chủ phấn đấu thực hiện chế độ dân chủ đa nguyên, nhà nước pháp quyền, đa đảng. Trước hết, chúng ta đòi chính quyền cộng sản Việt Nam phải hủy bỏ điều 4 và các điều khác mang tính chất độc quyền của đảng cộng sản Việt Nam trong hiến pháp hiện nay và thay vào đó bằng những điều khoản mới công nhận các đảng phái, xu hướng chính trị được thành lập và hoạt động công khai và bình đẳng trước pháp luật, bảo đảm các quyền tự do cơ bản của con người như tự do ngôn luận, báo chí, tự do đi lại, cư trú (kể cả đi ra nước ngoài), tự do kinh doanh, xác định quyền tư hữu và quyền kế thừa tài sản v.v..., bảo đảm quyền được hội họp, biểu tình, đình công, xác định lực lượng vũ trang (quân đội, công an) là lực lượng vũ trang của toàn dân tộc, độc lập với mọi đảng phái và xu hướng chính trị, nhằm bảo vệ trật tự an ninh và độc lập dân tộc.

Chúng ta phấn đấu thực hiện việc tổ chức bầu cử tự do, dân chủ có sự kiểm soát quốc tế nhằm thành lập các cơ quan lập pháp và hành pháp của đất nước có sự tham gia của các đảng phái chính trị để cùng nhau xây dựng lại đất nước giàu có, văn minh và hưng thịnh, đưa đất nước ta hòa nhập với cộng đồng văn minh thế giới.

Nhân Tâm

Cảm nghĩ của một người dân Việt theo dòng lịch sử

Trần Văn Sang là một độc giả trẻ ở Canada, đã đóng góp rất nhiều suy nghĩ với ban biên tập Thông Luận. Sau đây là một bài ngắn nói lên nỗi trăn trở của một người trẻ trước hiện tình đất nước.

Có lẽ bất cứ người dân Việt nào khi nghĩ đến quê hương chắc cũng phải đau nhói trái tim! Nếu kể từ khi bị Pháp xâm lược đến nay thì Việt Nam là đất nước của chiến tranh và đau khổ nhất, một thời gian quá dài! Chiến tranh giành độc lập, giải phóng dân tộc ư! Chiến đấu cho tự do, cho công bằng xã hội ư! Chiến tranh cho mục đích gì đây? Tôi tự hỏi như vậy.

Nhìn vào thực trạng xã hội Việt Nam ngày nay cho phép ta trả lời thế nào về chiến tranh, nhất là từ khi cuộc đảo chánh tại Liên Xô thất bại và chủ nghĩa xã hội coi như đã chết. Tôi muốn nêu lên vấn đề cho tất cả mọi người, từ những người chống cộng cho đến những người cộng sản còn đang cầm quyền tại Việt Nam, hãy tự nghĩ: chúng ta đã và đang làm gì cho đất nước này? Hôm nay quê hương chúng ta đã tan tác từ vật chất tới tinh thần. Và mọi người đều tự nhận có lòng yêu nước.

Nhìn vào lịch sử thế giới, thời gian Việt Nam có chiến tranh là thời gian hòa bình của họ: thời gian của xây dựng, kiến thiết và thay đổi tại các nước Tây Phương; họ đã thực hiện nhiều thành công đáng kể nhất là về khoa học kỹ thuật, làm nâng cao đời sống vật chất, nhưng bên cạnh đó cũng đã tạo ra tệ nạn xã hội ngày càng trầm trọng và bất an. Khi so sánh với Tây Phương, các nước cộng sản thua kém về mọi mặt tạo nỗi bất mãn trong lòng người dân về chế độ xã hội. Riêng Việt Nam, từ 1975 đến nay tình cảnh ngày càng bi đát, càng tệ hại trầm trọng trên mọi phương diện. Suốt dòng lịch sử dài vừa trải qua đó, chúng ta đã nhận thức được những gì?

- Chiến tranh thật sự có giải quyết được vấn đề cuộc sống của con người không? Bản chất cuộc chiến là gì? Khi nhìn vào cuộc chiến tranh Việt Nam, chiến tranh tại Kampuchea và gần đây cuộc chiến giữa Iraq và Đồng Minh hay Iraq và Kuwait. Tôi nghĩ không một cuộc chiến tranh nào có thể làm thay đổi được ý thức con người.

- Không có chủ nghĩa nào chế ngự được con người. Nếu có người nào nói chủ nghĩa tư bản thắng cộng sản thì cũng không hẳn đúng, vì tự nơi các nước xưa kia là tư bản xâm chiếm thuộc địa, hay các nước kỹ nghệ tiên tiến cũng không còn là chủ nghĩa tư bản nguyên thủy của nó nữa, mà nó đã phải biến dạng để sống còn khi có mặt của chủ nghĩa cộng sản. Riêng chủ nghĩa cộng sản thì đã chết.

- Sự phân chia nhân loại dưới hình thức quốc gia, chủ quyền quốc gia dân tộc đã làm cho tình hình thế giới ngày càng nhiều đổ vỡ; người ta hô hào nhân quyền, quyền bình đẳng các dân tộc... nhưng trên thực tế các quốc gia, các chính phủ cũng không tôn trọng được sự phân chia này. Người ta không thấy có thực tâm giúp đỡ các dân tộc bị đói kém như ở Phi Châu, Á Châu, cũng như không có sự chia sẻ nhằm nâng cao đời sống con người tại các quốc gia tiến bộ...

- Ngày nay, khi chủ nghĩa tan rã và chết, đã nổi lên vấn đề dân

tộc, các cuộc đấu tranh đòi hỏi quyền tự trị, đòi độc lập của các dân tộc như ở Liên Xô, Nam Tư. Điều này chứng tỏ rằng bất cứ sự thống trị nào, dù dưới hình thức nào cũng không biện minh được. Đó là ý chí tự do của dân tộc. Bắc Mỹ là một tập hợp của nhiều dân tộc khác nhau về ngôn ngữ và văn hóa, chính phủ tại đây cũng phải chấp thuận quyền tự do của các dân tộc dưới tên là đa văn hóa thì mới yên ổn được. Rõ ràng cho thấy phải chấp nhận sự tồn tại của các dân tộc.

Từ những nhận thức trên đây, chúng ta đi đến kết luận rằng con người dù có nguồn gốc nào cũng phải chấp nhận một "tình nhân loại duy nhất" mà không có giới hạn nào thuộc chủ quyền riêng biệt và chủ nghĩa độc tôn thì mới mang lại nền hòa bình trên trái đất.

Riêng đối với Việt Nam, dù muốn hay không, người cộng sản cũng phải ý thức được chủ nghĩa cộng sản không thể nào tồn tại trên đất nước này thêm được nữa; tuy nhiên cuộc tranh đấu đối với người cộng sản vẫn phải tiếp tục vì lịch sử để lại cho thấy họ không phải là kẻ lương thiện, việc họ chấp nhận là việc hoàn toàn ngoài ý muốn của họ. Nhưng đất nước này đòi hỏi tất cả mọi người phải trả lời câu hỏi quan trọng: Chính mình đã làm gì cho quê hương xứ sở? Câu hỏi tuy có vẻ đơn sơ nhưng thật sự nó không đơn sơ chút nào khi mà chính mỗi người chúng ta chưa thật sự nhận thức được về tương giao cuộc sống. Đó mới là vấn đề quan trọng. Sở dĩ đất nước Việt Nam tan tác, dân tộc chia rẽ, lưu lạc v.v... cũng do xuất phát từ chỗ không ý thức được về tương giao cuộc sống. Hãy nhìn chính đời sống của mình, nơi xã hội mình đang ở, trong cộng đồng mình, hành động của mình đối với quê hương, dân tộc thì sẽ biết được mình có ý thức và ý thức như thế nào trước khi bắt đầu cho một trang lịch sử mới. Người ta có thể tự hiểu lấy, tự biết lấy thì mới có thể tự thấy mình phải làm gì cho đất nước.

Đảng cộng sản Việt Nam nghĩ gì về hành động của mình? Những người đảng viên cộng sản bị đá văng khỏi quyền lực và những người đang cầm quyền nghĩ gì và nói gì trước khi chấm dứt trang sử đen? Tàn ác, bạo lực đến đâu rồi cũng phải chết, lịch sử nào rồi cũng phải đổi thay.

Đối với chúng ta, những người chống cộng nghĩ gì về hành động của mình trong những năm lưu lạc? Nghĩ thế nào là đúng, làm thế nào là đúng trong hiện tại và tương lai? Người ta chỉ có thể làm đúng khi bản thân tự ý thức được chứ không phải theo xu hướng, hay chạy theo dư luận, "ai sao tôi vậy" chỉ là một sự đổ nát thêm mà thôi. Kẻ nào biết đập phá thì kẻ đó phải biết tái tạo mới mang lại sự tiến bộ, ngược lại chỉ biết đập phá mà không biết tái tạo là sự tự hủy. Tái tạo như thế nào? Biết ý thức về tương giao cuộc sống mà không biết tái tạo như thế nào thì cũng như đàn và hát bị lỗi nhịp.

Dân Việt Nam có nền văn hóa, có hoàn cảnh kinh tế riêng biệt, bị đập phá đổ nát toàn diện từ 16 năm qua; hoàn cảnh đó đã làm thay đổi suy tư, quan niệm về cuộc sống khá nhiều trong người dân. Có thể ví nôm na như là một bệnh nhân ở thời kỳ cuối cùng và bị biến tướng dị hình. Đó là khó khăn phải đương đầu khi tiếp nhận từ tay cộng sản. Như vậy có thể nói rằng trong giai đoạn kế tiếp cộng sản đòi hỏi:

- phải cần có đầu óc sáng tạo cái mới.
- phải biết chọn lọc, biến đổi cho thích hợp hoàn cảnh.
- phải hiểu biết sâu xa về xã hội để tạo cấu trúc mới thủ tiêu những tệ nạn xã hội.
- phải tự ý thức được đây là việc chung toàn xã hội chứ không

phải vì cá nhân hay phe nhóm.

Hãy thử nhìn vào 3 chính quyền gần nhất, đó là chính quyền Miền Nam trước 1963 và sau 1963 cùng với chính quyền cộng sản Việt Nam để rút ra bài học đỡ vớ:

- các chính quyền này luôn có tranh giành quyền binh, thế lực.
- sống dựa vào ngoại bang nên bị ngoại bang thao túng không có quyền quyết định vận mệnh đất nước.
- kéo bè kết cánh làm cho thêm thối nát, tham nhũng hối lộ.
- bắt chước mà không có sự biến đổi theo hoàn cảnh đất nước.
- không biết trọng và khuyến khích người tài để họ giúp nước.

Bắt đầu một công việc có nghĩa là phải nhận thức cái thực trạng giáp mặt cùng với kinh nghiệm đã qua thì mới biết được cái gì phải làm. Nếu không nhận thức được nguyên nhân thì sớm muộn gì lịch sử cũng tái lập. Đảng cộng sản Việt Nam chết có lẽ người dân sẽ ăn mừng hay ít ra họ cũng hân hoan về cái chết đó; nhưng hiện nay nhiều người nhớ tiếc Việt Nam Cộng Hòa, điều này có đúng không? Chúng ta có thể nhớ nó như bài học kinh nghiệm chứ không thể nhớ tiếc theo kiểu "hoài Lê" thời phong kiến xưa của lịch sử. Tinh thần sáng tạo bắt đầu từ cái nhìn thực trạng chứ không phải từ bắt chước, tái tạo bắt đầu từ cái nhìn tổng thể chứ không phải từ tiểu dị và tái tạo không phải là tái lập để tái diễn. Chúng ta cần phải biết nhìn để hiểu cái thực của nó để xây dựng chứ không phải bóp méo, xuyên tạc cho một thủ đoạn nào.

Công việc xã hội là công việc chung của toàn xã hội đó, đóng góp là đóng góp cho cộng đồng xã hội. Công việc làm có thành đạt hay thất bại thì cả cộng đồng xã hội đó gánh chịu, chúng ta cần phải xác định rằng sự đóng góp cho xã hội không phải để mua danh gọi phận, tìm kiếm cơ hội để bóc lột, để ăn trên ngồi trước. Đây là quan niệm làm thoái hóa xã hội, đây là quan niệm trước đây trong xã hội Việt nam, cũng vì nó mới tạo ra chính quyền như vậy mà hậu quả là đất nước hôm nay tan tác điều tàn.

Trong mấy năm qua, người ta thấy gì trong sinh hoạt chính trị tại hải ngoại này? Tôi không biết người ta sẽ nói gì và nhận xét gì, nhưng cá nhân tôi thì cho rằng tinh thần xây dựng dường như không có nhiều, hay nói cách khác chúng ta chưa trưởng thành trong tinh thần xây dựng. Người ta có quyền phê phán, phân tích những quan điểm, quan niệm của kẻ khác, lý luận trên cơ sở khoa học, lịch sử hay cơ sở nào đó để làm bực lộ được cái mình đã phá hay xây dựng. Đó là thái độ trưởng thành trong tinh thần xây dựng. Nhưng người ta thấy nhiều sự dâm hống, móc lõn nhiều hơn phân tích tại sao, lý luận dẫn chứng tại sao, họ chỉ muốn tranh hơn thua chứ không phải làm nổi bật được cái đúng hay cái sai. Nếu tinh thần như vậy thì liệu có mang lại sự tốt đẹp nào cho tương lai? Thời kỳ sau cộng sản, tất có nhiều khó khăn, người ta sẽ làm được gì cho đất nước? Tôi muốn nêu lên vấn đề để tự vấn lương tâm trước khi bắt đầu. Chúng ta không thể từ chối tự vấn lương tâm vì cá nhân có liên hệ tới xã hội, việc làm người này phải dính mắc với người kia, người ta không thể nhân danh mà phải nói bằng lương tâm, bằng sự nhận thức chân chính.

Người ta có can đảm nhìn nhận hành động thì mới có thể biết được tương lai sẽ ra sao vì tương lai lệ thuộc hành động hôm nay. Ngược lại, không ai biết được những gì còn trong bóng tối. Tương lai vẫn lệ thuộc chúng ta.

Trần Văn Sang

Thảo luận sôi nổi về liên minh Bắc Kinh - Hà Nội

Cuộc gặp mặt thân hữu và độc giả của nguyệt san Thông Luân ngày 13-10-1991 vừa qua đã quy tụ 65 người và do ông Tôn Thất Long chủ tọa. Lần này phần trao đổi về thời sự đã đặc biệt sôi nổi vì những biến cố quan trọng trong hai tháng qua.

Trong phần dẫn nhập, ông Nguyễn Gia Kiểng nhận định rằng hai biến cố quan trọng có liên quan đặc biệt tới tình hình Việt Nam. Biến cố thứ nhất là cuộc đảo chánh thất bại tại Liên Xô đưa tới cái chết tức tưởi của đảng cộng sản Liên Xô. Biến cố thứ hai là giải pháp hòa bình tại Kampuchea.

Ông Kiểng nói rằng sau cuộc đảo chánh hụt tại Liên Xô, phong trào cộng sản coi như đã chết, các cố gắng để duy trì đường lối cộng sản chắc chắn sẽ thất bại. Đảng cộng sản Việt Nam cũng đã nhìn thấy như vậy cho nên họ đang loay hoay tìm một lối thoát. Qua Đại Hội VII, đảng cộng sản Việt Nam đã đưa tướng Lê Đức Anh lên một địa vị rất cao và chuẩn bị cho ông Lê Đức Anh làm Chủ tịch Nhà Nước với những quyền hạn quan trọng hơn. Hình như đảng cộng sản Việt Nam đã muốn tìm một giải pháp kiểu Jaruzelski như tại Ba Lan với hy vọng là giải pháp này sẽ kết thúc một cách tốt đẹp hơn cho đảng cộng sản Việt Nam, hơn số phận của đảng cộng sản Ba Lan trước đây. Nhưng những gì vừa xảy ra đang buộc đảng cộng sản dọ dẫm những lối thoát mới.

Về giải pháp hòa bình tại Kampuchea, ông Kiểng cho rằng sự thành lập tại ngay sát nách Việt Nam một thể chế ngả về Phương Tây sẽ thay đổi hẳn những dữ kiện địa lý và chính trị trong vùng. Tình hình Việt Nam sau giải pháp Kampuchea sẽ không thể nào như trước nữa.

Ông Kiểng cũng nhận định là không nên quá lo ngại trước khả năng một liên minh Trung Quốc - Việt Nam. Theo ông, Trung Quốc cũng đang gặp nhiều khó khăn và không hề tỏ ra hồ hởi trong việc thành lập một liên minh cộng sản mới. Họ tiếp đón lạnh nhạt chủ tịch Kim Nhật Thành của Bắc Triều Tiên cũng như họ đã tiếp đón lạnh nhạt các cấp lãnh đạo cao nhất của Việt Nam. Mặt khác, họ cũng không có lợi gì để liên kết với Việt Nam, và nếu có liên kết thì cũng chỉ nhằm đến việc củng cố quyền lợi kinh tế, chính trị của họ trước hết.

Ông Nguyễn Phi Phụng, một chuyên viên về nông nghiệp và một nhà nghiên cứu chính trị, trái lại, nhận định rằng không nên đánh giá quá thấp thể liên minh Trung Quốc - Việt Nam bởi vì với tầm vóc to lớn, Trung Quốc chỉ cần làm một cố gắng nhỏ cũng có thể giúp Hà Nội vãi tỷ nhân dân tệ và có thể gỡ rối cho chính quyền cộng sản Việt Nam. Ông Phụng nhận định rằng Việt Nam đang cư xử với

Trung Quốc như vị thế của một chư hầu thần phục, sự quy lụy này có thể tranh thủ được sự ủng hộ của Trung Quốc.

Ông Võ Nhân Trí, cựu viện trưởng Viện Kinh Tế Quốc Tế Hà Nội hiện đã ly khai với chế độ và đang tị nạn tại Pháp và tham dự vào nhiều công tác nghiên cứu kinh tế Đông Nam Á, cũng nhấn mạnh là không nên coi thường thể liên minh Trung Quốc - Việt Nam bởi vì, theo ông Trí, vấn đề không phải chỉ đơn thuần là quan hệ song phương giữa Hà Nội và Bắc Kinh. Ông Trí nhận định rằng đang có một cố gắng tử thủ chủ nghĩa cộng sản giữa Trung Quốc, Việt Nam, Bắc Triều Tiên, và Cuba. Liên minh này tuy không đảo ngược được tình thế nhưng cũng sẽ gây ra nhiều khó khăn cho tiến trình dân chủ hóa tại Việt Nam.

Ông Nguyễn Văn Ái, cựu tổng giám đốc các viện Pasteur tại Việt Nam, cũng đồng ý với ông Võ Nhân Trí, cho rằng tuy đấu tranh chính trị cần phải lạc quan nhưng coi nhẹ thể liên minh với Trung Quốc có thể là một sai lầm chiến lược.

Cụ Hoàng Khoa Khởi, một đồng chí của Tạ Thu Thâu trước đây trong phong trào Đệ Tứ Quốc Tế, nhận định rằng chính sách cởi mở về kinh tế, xiết chặt về chính trị mà Trung Quốc theo đuổi hơn một thập niên qua đã làm nảy sinh ra trong nội bộ Trung Quốc vô số mâu thuẫn, vô số căng kéo nội bộ cho nên chính Trung Quốc hiện nay cũng vô cùng bối rối và không có khả năng cứu vãn chế độ cộng sản Việt Nam. Cụ Khởi nói thêm rằng hiện nay Trung Quốc cũng đang cần thế giới Phương Tây và khó có thể có ý định kết thân với các chế độ cộng sản giáo điều, phản dân chủ, phản nhân quyền vì như thế chỉ khiến họ bị cô lập hơn.

Nhiều người sau đó đã phát biểu sôi nổi về những vận động phải có để thúc đẩy mạnh tiến trình dân chủ hóa. Ông Nguyễn Từ Thiện, cựu tổng giám đốc Hàng Không Dân Sự Việt Nam, cựu tổng giám đốc Công Ty Vận Tải Việt Nam, cho rằng trong tình trạng khẩn trương của đất nước hiện nay phải gác lại những đề tài không quan trọng, tập trung mọi suy tư và hành động vào cố gắng chấm dứt chế độ độc tài cộng sản và thiết lập thể chế dân chủ đa nguyên. Ông Thiện cho rằng tình hình đã khá chín muồi đòi hỏi mỗi người phải có một thái độ tích cực và quả quyết.

Một số cử tọa lo ngại rằng đời sống quá khó khăn đã khiến đồng bào trong nước phải tập trung mọi ưu tư vào cuộc sống vật chất mà ít quan tâm tranh đấu cho dân chủ. Ông Nguyễn Văn Ái nhận định rằng các chế độ cộng sản tại Châu Á tỏ ra vững chắc hơn các chế độ cộng sản Châu Âu bởi vì mức sống tại đó thấp, đòi hỏi của dân chúng không nhiều và một phần nào cũng vì các đảng cộng sản Châu Á tự tin hơn các đảng cộng sản Châu Âu, thái độ tự tin này phát xuất từ sự kiện họ đã nắm được chính quyền qua tranh đấu cam go.

Nói về phản ứng của dân chúng, ông Nguyễn Gia Kiểng phát biểu rằng mọi cuộc nổi dậy của dân chúng đều có chung đặc điểm là không thể tiên liệu trước. Những cuộc nổi dậy của quần chúng là một hiện tượng bất thường và do đó không thể lý luận một cách bình thường. Như vậy không thể khẳng định là nhân dân Việt Nam sẽ không nổi

dậy. Trước khi xảy ra những cuộc nổi dậy tại Đông Âu, rất nhiều người đã nói rằng sẽ không thể có các cuộc nổi dậy đó nhưng rồi những cuộc nổi dậy cũng vẫn xảy ra một cách đột ngột và rất mãnh liệt. Rất có thể sẽ có biến động tại Việt Nam trong những ngày sắp tới.

Một thân hữu, cựu sinh viên Quốc Gia Hành Chánh Sài Gòn, phản ánh dư luận của những người có dịp về thăm nhà, cho hay đã bắt đầu có hiện tượng cán bộ cộng sản bán nhà, xin đổi đi qua địa phương khác vì chính họ cũng tin rằng chế độ có thể sụp đổ bất cứ lúc nào.

Một cụ lão niên phát biểu rằng vận của chế độ cộng sản đã hết và cần phải nghĩ đến việc thành lập một chính phủ mới để thay thế.

Một cựu đại tá quân lực Việt Nam Cộng Hòa chất vấn ông Nguyễn Gia Kiểng là không dứt khoát lập trường với cộng sản và đặt thẳng câu hỏi là trong tương lai có nên tham gia một chính phủ liên hiệp hay không.

Ông Kiểng đáp lại rằng hiện nay giải pháp tranh đấu võ trang không còn hợp thời nữa, chỉ còn lại con đường đấu tranh chính trị. Một khi đã đấu tranh chính trị thì thắng lợi chỉ có thể đạt tới qua bầu cử tự do và nếu muốn có bầu cử tự do thực sự thì chính quyền tổ chức cuộc bầu cử tự do đó phải là một chính phủ liên hiệp chứ không thể là chính quyền cộng sản, không thể để mặc cho chính quyền cộng sản một mình quyết định bầu cái gì, bầu lúc nào và bầu như thế nào. Theo ông Kiểng, chính phủ liên hiệp là điều mà ta không những không nên chống lại mà còn phải đòi hỏi. Điều cần phải chống lại là một thứ chính phủ cộng sản nói rộng trong đó đảng cộng sản vẫn nắm mọi thực quyền với sự hiện diện của một số bộ trưởng không cộng sản làm đờ trang sức.

Phần sau, ông Trần Thanh Hiệp giới thiệu ông Trần Minh Châm trình bày về dự án "Espace Việt Nam".

Ông Trần Minh Châm là một nhà ngoại giao, cựu cố vấn văn hóa tòa Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Pháp.

Dự án của ông Châm là thành lập, dưới hình thức một công ty, một trung tâm sinh hoạt với số vốn ước lượng là 5 triệu Francs. Trung tâm này sẽ có một phòng họp lớn, một nhà tạm trú cho người Việt mới qua Pháp hoặc ghé qua Paris trong một thời gian ngắn. Trung tâm cũng sẽ có một câu lạc bộ với quán ăn và quán nước. Theo ông Châm, dự án này sẽ đóng góp hữu ích cho cộng đồng người Việt tại Pháp. Trả lời một câu hỏi, ông Châm cũng cho biết là trung tâm sẽ mở cửa cho mọi người Việt Nam không phân biệt khuynh hướng chính trị.

Hiện ông Châm kêu gọi sự hưởng ứng bằng cam kết hùn vốn. Vốn sẽ được chia thành những cổ phần 1.000 Francs. Những người cam kết góp vốn sẽ họp đại hội để quyết định về tổ chức của dự án.

Nhiều người đặt câu hỏi, nhưng ông Châm cho biết dự án còn sơ khai nên chưa thể đi vào chi tiết. Và lại mọi chi tiết cũng sẽ được thảo luận và công bố sau đại hội thành lập.

Cuộc họp chính thức kết thúc hồi 18 giờ. Nhiều thân hữu còn ở lại trò chuyện thân mật sau đó tới 19 giờ.

Nguyễn Văn Huy lược thuật

THỜI SỰ... TIỀN

Hiệp định Paris về Kampuchea

Hội trường Kléber tại Paris lại một lần nữa chứng kiến một buổi lễ trọng thể: 4 phe Kampuchea, ngoại trưởng 18 nước cùng tổng thư ký Liên Hiệp Quốc đồng ký kết hiệp định thiết lập hòa bình tại Kampuchea dưới sự đồng chủ tọa của Pháp và Indonesia. Buổi lễ diễn ra lúc 19 giờ 22 phút ngày thứ tư 23 tháng 10-1991. Tổng thống Pháp Mitterrand đích thân khai mạc buổi lễ.

Các thành phần tham dự gồm 5 nước hội viên thường trực Hội Đồng Bảo An LHQ (Hoa Kỳ, Liên Xô, Anh, Pháp, Trung Quốc), 6 nước trong Hiệp Hội ASEAN (Brunei, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thái Lan), một số nước trong vùng (Việt Nam, Lào, Nhật, Ấn Độ, Úc, Canada) và Nam Tư, với tư cách đại diện tổ chức các nước Phi Liên Kết.

Hiệp định được xem là "lịch sử" chấm dứt cuộc chiến kéo dài 21 năm trên đất nước Kampuchea và mở ra một kỷ nguyên mới cho toàn vùng Đông Nam Á.

Có thể nói cuộc chiến bắt đầu khi ông Hoàng Sihanouk đang công du ở Moskva bị tướng Lon Nol lật đổ ngày 18-03-1970, và chiến tranh từ Việt Nam lan sang Kampuchea. Trước đó, quân đội Bắc Việt vẫn dùng lãnh thổ Kampuchea làm căn cứ an toàn, với sự nhắm mắt làm ngơ của Sihanouk. Từ 1970 đến 1975, Hà Nội đã hỗ trợ quân Khmer đỏ trong chiến tranh chống chính phủ Lon Nol, kết thúc ngày 17-04-75 bằng sự sụp đổ hoàn toàn của chính phủ này. Ngày 9-9 cùng năm, Sihanouk về nước giữ chức chủ tịch làm vì. Ngày 05-04-76, ông từ chức, và nước Kampuchea Dân Chủ ra đời với Khieu Samphan làm chủ tịch và Pol Pot làm thủ tướng.

Pol Pot, lãnh tụ Khmer đỏ, đã áp đặt một chế độ chưa từng thấy trong lịch sử loài người, làm hàng triệu người chết thảm trong sự thờ ơ của cả thế giới, kể cả chính quyền Hà Nội lúc bấy giờ. Chỉ khi Pol Pot, được sự yểm trợ của Bắc Kinh, trở mặt chống lại Hà Nội và quấy phá các tỉnh biên giới, lúc đó mới có đoạn giao giữa hai nước "xã hội chủ nghĩa anh em" vào ngày 31-12-77. Một năm sau, ngày 25-12-78, bộ đội Việt Nam tràn qua biên giới, mở đầu một cuộc chiến sa lầy kéo dài gần 13 năm trong sự cô lập của quốc tế.

Ngày 07-01-79, phe Khmer đỏ bị đánh bật khỏi Phnom Penh và Hà Nội dựng lên bốn ngày sau đó một chính quyền mới gồm những phần tử Khmer đỏ ly khai và được Hà Nội huấn luyện. Cộng Hòa Nhân Dân Kampuchea ra đời, nhưng Liên Hiệp Quốc không công nhận và vẫn giữ ghế cho chính quyền Khmer đỏ, lúc đó rút vào bung kháng chiến.

Ông hoàng Sihanouk - sau mấy năm bị Khmer đỏ giam lỏng và chỉ được phóng thích vài ngày trước khi bộ đội Việt Nam vào Phnom Penh đầu năm 79 - đã cùng kẻ thù cũ Khmer đỏ và phe Son Sann thành lập một liên minh kháng chiến vào ngày 21-06-82. Cuộc chiến du kích chống lại chính quyền Hun Sen tại Phnom Penh và bộ đội Việt Nam kéo dài đến tháng 5-91 vừa qua mới có ngưng bắn. Về phía Hà Nội, quyết định rút quân "toàn bộ" được thi hành với hạn chót vào tháng 9-89, nhưng mọi người đều biết Hà Nội vẫn lưu lại nhiều thành phần nòng cốt, và còn lén lút chuyển quân sang Kampuchea vào những tháng sau đó để giúp chính quyền Hun Sen chống lại những đợt tấn công của Khmer đỏ tại vùng biên giới Thái Lan.

Cuộc chiến kéo dài 21 năm - được giới báo chí phương tây gọi

là "cuộc chiến Đông Dương thứ ba" - đã làm đất nước trù phú Kampuchea bị hoàn toàn kiệt quệ, làm cả triệu người thương vong, và hiện có 350.000 dân tị nạn trong các trại tại Thái Lan, sát vùng biên giới. Khoảng 40% dân số các trại này đã sinh ra và lớn lên trong trại: con số này tự nó nói lên những khó khăn trong việc tái định cư những người đã mất - hoặc chưa từng có - khái niệm về một cuộc sống bình thường.

Lần đầu tiên trong lịch sử, LHQ thực hiện một kế hoạch với quy mô bao trùm tất cả các lãnh vực, với một chi phí khổng lồ được ước lượng từ một đến hai tỷ đô-la.

Nhiệm vụ của UNTAC (United Nations Transitional Authority in Cambodia) tức Chính Quyền Chuyển Tiếp Liên Hiệp Quốc tại Kampuchea rất nặng nề. Đầu tiên là vấn đề hòa bình: bốn phe lâm chiến phải cho giải ngũ 70% lực lượng vũ trang của mình, vũ khí phải nộp cho UNTAC, còn lại 30% lực lượng sẽ phải tập trung tại những địa điểm do UNTAC quản lý, vũ khí cũng trao cho UNTAC giữ cho tới khi có bầu cử. Một công việc khó khăn nữa là gỡ những mìn cá nhân còn đầy rẫy, đã gây thương tích cho mấy chục ngàn thường dân trong những năm vừa qua.

Một nhiệm vụ không kém quan trọng là việc tái định cư những người tị nạn trong nước, cũng như 350.000 người hồi hương từ các trại Thái Lan.

UNTAC cũng có nhiệm vụ của một chính quyền: các bộ ngoại giao, quốc phòng, tài chính, nội vụ và thông tin, nghĩa là những bộ quan trọng nhất, sẽ do UNTAC nắm. Hội Đồng Dân Tộc Tối Cao Kampuchea SNC gồm 12 nhân vật đại diện cho bốn phe sẽ chỉ có nhiệm vụ cho ý kiến. Một cuộc bầu cử quốc hội lập hiến gồm 120 đại biểu sẽ tiến hành vào đầu năm 1993. Văn kiện hiệp định đã nói rõ "nước Kampuchea sẽ theo một thể chế dân chủ tự do, trên căn bản đa nguyên". Một văn kiện khác bảo đảm "chủ quyền, độc lập, toàn vẹn và bất khả xâm phạm lãnh thổ, trung lập và thống nhất đất nước".

Cuối cùng UNTAC sẽ lo tái thiết, hay ít nhất cũng khơi mào công cuộc tái thiết cho Kampuchea, và sẽ cần rất nhiều tiền. Về điểm này, Nhật Bản có thể giúp và sẽ giúp vì đây là cửa ngõ đầu tiên vào thị trường bán đảo Đông Dương.

Ngày đầu tháng 11 sẽ có một phái đoàn chuẩn bị của LHQ đến Kampuchea. Phái đoàn này gồm một thành phần quân sự do một người Pháp, tướng Jean-Michel Loridon cầm đầu, và một thành phần dân sự dưới quyền ông Ataul Karim, cựu đại sứ Bangladesh tại LHQ. Ngày 14-11, Sihanouk sẽ cầm đầu SNC về Phnom Penh.

Hiệp định Paris chưa ráo mực đã có đụng độ trên chiến trường, và các phe phái bắt đầu tố nhau vi phạm ngưng bắn. Ngày thứ năm 24-10, giới chức Thái Lan cho biết đã có pháo kích nặng nề tại một vùng phía Tây Bắc Kampuchea, cách biên giới Thái 30 km. Phe nào cũng lo chiếm tối đa ưu thế trên trận địa trước khi quân của LHQ đến nơi. Trước đây mấy tuần, Khmer đỏ còn âm mưu cưỡng bách hồi hương hơn 40.000 người tị nạn từ một trại do họ quản lý về những vùng họ kiểm soát trong nội địa Kampuchea, hầu dùng những người tị nạn này làm củi tương lai cho phe họ. Âm mưu này bị quốc tế khám phá và ngăn chặn.

Vấn đề tham gia của phe Khmer đỏ vào tiến trình hòa bình tại Kampuchea bị nhiều dư luận chống đối, vì những thành tích diệt chủng của họ trong ba năm cầm quyền. Nhưng, theo ông Richard Solomon, phụ tá ngoại trưởng Mỹ đặc trách Đông Á và Thái Bình Dương, đây là phương cách duy nhất để kiểm soát phe Khmer đỏ,

và rằng họ sẽ không thể thắng cử trong một cuộc bầu cử tự do dưới sự giám sát của LHQ.

Bên lề hiệp định, buổi sáng cùng ngày thứ tư 23, ngoại trưởng Mỹ James Baker đã gặp ngoại trưởng Hà Nội Nguyễn Mạnh Cầm. Ông tuyên bố sau đó là tình hình đã khai thông và bắt đầu từ bây giờ, Hoa Kỳ và Việt Nam có thể xúc tiến thảo luận về việc bình thường hóa quan hệ, đồng thời với việc bãi bỏ dần dần lệnh cấm vận. Hiệp định Paris về Kampuchea chính là chặng đầu trong "lộ trình bốn chặng" mà Hoa Kỳ đã đưa ra để tiến tới việc bình thường hóa quan hệ với Việt Nam.

Võ Văn Kiệt nói chuyện cải tổ chính phủ

"Đảng đề ra những hướng đi lớn, nhưng Đảng không được thay thế guồng máy Nhà nước." Ông Võ Văn Kiệt, tân thủ tướng từ 10-8-1991, sau đại hội VII, đã trả lời phỏng vấn phái viên Jean - Claude Pomonti báo Le Monde đề ngày 15-10 vừa qua. Trong cách nói quen thuộc của người cộng sản Việt Nam, chỉ cần nói "Đảng" là đủ, và khi viết thì phải dùng chữ "Đ" hoa. Trả lời phỏng vấn một phóng viên ngoại quốc cũng thế thôi. Khái niệm độc đảng đã thấm vào da vào thịt của người cộng sản, phải cần một cuộc thay da đổi thịt họ mới có thể nghĩ khác được.

Được hỏi về cải tổ kinh tế và cải tổ chính trị, ông Kiệt nói: "Chúng tôi nghiên cứu tất cả các kinh nghiệm, kể cả kinh nghiệm các nước có thay đổi luân phiên đảng cầm quyền. Nhưng cải tổ chính trị đang tiến hành tại Việt Nam phải tùy thuộc vào thực tiễn Việt Nam". Và thực tiễn Việt Nam theo ông Kiệt thì rất đơn giản: chỉ có một đảng, đó là đảng cộng sản Việt Nam, nắm vai trò lãnh đạo.

Ông nói "một cải tổ chính trị quan trọng ở Việt Nam hiện nay là cải tổ Đảng, định nghĩa lại vai trò của Đảng. Chính phủ phải có nhiều trách nhiệm hơn và phải hữu hiệu hơn. Nhờ vậy vai trò lãnh đạo của Đảng sẽ được củng cố hơn - điều này không có gì mâu thuẫn". Đối với ông Kiệt, vai trò lãnh đạo duy nhất của đảng cộng sản Việt Nam là điều đương nhiên, không cần bàn cãi. Những "cải tổ quan trọng" chỉ là làm sao cho vai trò đó được củng cố thêm.

Ông cũng đề cập đến vấn đề cải tổ nội các: thủ tướng sẽ thành lập trực tiếp nội các của mình và trình Quốc Hội phê chuẩn, thay vì mỗi bộ trưởng được Quốc Hội bầu với tư cách cá nhân như hiện nay. Nhân sự sẽ được chọn lựa theo khả năng, có nghĩa rằng không bắt buộc bộ trưởng phải là đảng viên. Người ta có thể chờ đợi trong tương lai gần, một vài ghế bộ trưởng không thiết yếu sẽ được trao cho những nhân vật ngoài đảng, với điều kiện là những người này không là một mối nguy cho sự lãnh đạo duy nhất của đảng.

Ngoài ra ông Kiệt còn trả lời một số vấn đề khác. Ông cho biết chính quyền ông đã và sẽ sử dụng khả năng kỹ thuật của các chuyên viên ngoại quốc cũng như Việt Nam ở hải ngoại. Ông rất mong được các quỹ quốc tế cho vay, đặc biệt là Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế IMF và Ngân Hàng Thế Giới WB. Ông cho biết Hà Nội cố gắng hết sức để bình thường hóa bang giao với Mỹ, và hy vọng lệnh cấm vận vừa được gia hạn tháng 9 vừa qua sẽ không kéo dài cả năm. Cuối cùng, ông nói "Việt Nam và Liên Xô sẽ quyết định về Cam Ranh sau khi Hoa Kỳ không còn căn cứ quân sự trong vùng" để trả lời câu hỏi "Liên Xô có rút khỏi căn cứ Cam Ranh

sau khi Hoa Kỳ rút khỏi Philippines hay không?"

Cũng nên nhắc lại, Hoa Kỳ đã gia hạn một năm lệnh cấm vận ngày 13-9-1991 vừa qua. Và tại Bangkok, nhân cuộc họp thường niên 16 nước bỏ tiền cho vay trong IMF và WB, Hoa Kỳ cũng phủ quyết đề nghị của Pháp cho Việt Nam vay.

Việt Nam và láng giềng

Việt Nam đang cố gắng làm hòa với các nước láng giềng trong vùng để thoát khỏi thế cô lập do chính sách sai lầm của Hà Nội cũng như thái độ cao ngạo của những người coi trời bằng vung gây nên.

Lần đầu tiên từ 13 năm qua, một thủ tướng Việt Nam đi thăm hữu nghị các nước láng giềng. Năm 1978, ông Phạm Văn Đồng đã đi một vòng để trấn an các nước trong vùng về thiện chí hòa bình của Hà Nội ngay trước khi đánh sang Kampuchea. Ngày 24-10-1991, chỉ một ngày sau khi hiệp định Paris về Kampuchea được ký kết, ông Võ Văn Kiệt lại đi một vòng để cố xóa bỏ ấn tượng xấu - nói một đằng làm một nẻo - của chuyến đi 13 năm trước, và bình thường hóa quan hệ với các nước láng giềng. Chặng đầu tiên của chuyến công du là Indonesia, sau đó là Thái Lan và Singapore.

Indonesia là nước của ASEAN ít ác cảm nhất đối với chính quyền Hà Nội. Còn Thái Lan mới đây đã cải thiện bang giao: ngoại trưởng Thái Lan Arsa Sarasin viếng thăm Việt Nam trong tháng 9 vừa qua đã quyết định mở thêm tòa lãnh sự ở Sài Gòn và tăng cường trao đổi thương mại. Cũng có kế hoạch Thái Lan mua khí đốt của Việt Nam sản xuất từ giếng dầu Bạch Hồ ngoài khơi Vũng Tàu.

Singapore quyết định bỏ lệnh cấm đầu tư vào Việt Nam ngay sau khi hiệp định về Kampuchea được ký kết, nghĩa là lệnh này coi như đã bỏ. Dù sao, Singapore vẫn là nước đứng thứ hai trong các nước không cộng sản về con số buôn bán với Việt Nam, chỉ sau Nhật Bản. Singapore mua gạo, cà phê, gia vị, trái cây, cao su, đồ biển, và bán đồ điện tử, hàng vải, thuốc lá, giấy, nguyên liệu chất dẻo...

Ngoài ra quan hệ với Trung Quốc cũng hết thù nghịch, đầu tháng 11 sẽ có phái đoàn cao cấp sang Bắc Kinh. Tại biên giới đang tháo gỡ mìn, và đường dây điện thoại trực tiếp Bắc Kinh Hà Nội hoạt động trở lại từ cuối tháng 9 sau 13 năm gián đoạn.

Về phần Đài Loan cũng đã thăm dò thị trường tiêu thụ Việt Nam tương lai. Một phái đoàn 22 đại diện chính quyền, các công ty tư các ngành công nghiệp, nông nghiệp, vận chuyển và ngân hàng, do thứ trưởng kinh tế Đài Loan cầm đầu đã đến Sài Gòn cuối tháng 9, thảo luận và thăm viếng năm ngày. Cuối cùng đã đi đến thỏa thuận trao đổi văn phòng thương mại giữa hai nước, và sẽ ký kết một thỏa ước bảo vệ đầu tư của Đài Loan. Hà Nội và Đài Bắc không có quan hệ ngoại giao.

Đường lối tranh đấu dân chủ bất bạo động đoạt giải Nobel Hòa bình 1991

Thông Luận số 42, trong phần tin tức Miến Điện, đã đề cập đến đề nghị của tổng thống Tiệp, Vaclav Havel, trao giải thưởng Nobel Hòa Bình 1991 cho bà Aung San Suu Kyi, lãnh tụ đối lập

Miến Điện. Ngày 14-10-1991, Hàn Lâm Viện Thụy Điển đã trao giải Nobel Hòa Bình cho bà với lý do là "biểu tượng cho một cuộc đấu thân tranh đấu cho dân chủ và nhân quyền bằng phương thức bất bạo động".

Bà Aung San Suu Kyi rất trẻ so với tuổi của những giải Nobel từ xưa đến nay: bà sinh năm 1945, nghĩa là mới 46 tuổi xuân. Bà đã đạt tới tầm vóc một lãnh tụ nổi nhất của đời sống chính trị Miến Điện trong một thời gian rất ngắn mặc dù bà không phải là một nhà chính trị đấu tranh trường kỳ tại quốc nội, bà chỉ về nước vào tháng 4-1988 sau 30 năm ly hương, vì lý do gia đình.

Thân thế và sự nghiệp của bà Aung San Suu Kyi xét cho cùng không lấy gì làm phi thường. Sinh ra trong một gia đình khá giả có truyền thống đấu tranh. Thân phụ là tướng Aung San, là một anh hùng của cuộc đấu tranh giành độc lập và đã bị ám sát trước khi đất nước giành được chủ quyền vào năm 1947. Theo chân thân mẫu, được bổ làm đại sứ tại New Dehli (Ấn Độ) vào năm 1960, bà đã sống và học trung học tại đây. Sau đó bà du học tại Anh Quốc, đeo đuổi đại học trong ngành triết và chính trị kinh tế. Sau khi tốt nghiệp, không muốn về nước đang nằm dưới ách độc tài của tướng Ne Win, bà đã làm việc tại Liên Hiệp Quốc với tư cách là chuyên viên quốc tế vụ và phát triển kinh tế. Trong cùng thời gian này, bà đã đi dạy nhiều nơi như Nhật Bản, Ấn Độ. Những công trình nghiên cứu của bà về vùng núi Hy Mã Lạp Sơn đã cho phép bà gặp gỡ chồng tương lai là một người Anh, Michael Aris, học giả chuyên về Tây Tạng. Bà đã có hai người con với ông chồng ngoại quốc này.

Sự hồi hương của bà hoàn toàn vì những lý do cá nhân, không mang một mảy may ý thức đấu tranh chính trị. Bà về nước năm 1988 vì thân mẫu bệnh nặng. Nhưng đây là khúc quanh lịch sử của đời bà và của đời sống chính trị Miến Điện. Đây là thời điểm mà quần chúng Miến đã chán ngấy bầu không khí độc tài quân phiệt, muốn vùng lên đấu tranh chính trị để lấy lại tự do. Bà Aung San Suu Kyi bị lôi cuốn vào cơn lốc đấu tranh chính trị và đạt một uy tín to lớn vì đã phát huy được một sức hấp dẫn thần sầu quý khốc trong quần chúng. Bà đề nghị chính phủ tổ chức tuyển cử lập pháp tự do và chính bà đã thành lập Liên Minh Quốc Gia Dân Chủ để làm lực lượng nòng cốt tham dự cuộc tranh cử.

Trước uy tín càng ngày càng lớn của bà, nhóm quân phiệt, sau nhiều lần dọa dẫm, uy hiếp tinh thần thất bại, đã đi đến biện pháp trắng trợn là quản thúc bà tại gia vào tháng 7-1989. Do đó bà không được tham gia vào cuộc tranh cử. Nhưng Liên Minh Quốc Gia Dân Chủ đã đại thắng, chiếm 82% số phiếu trong cuộc bầu cử tháng 5-1990.

Những diễn biến chính trị sau thời gian này tại Miến Điện đã được Thông Luận nhắc nhở đến nhiều lần. Có lẽ chỉ cần nhắc lại một vài nét chính: đàn áp và bỏ tù đối lập, bắt bớ các vị su, tổ chức di dân để dễ kiểm soát, khủng bố thương gia, đề ra chính sách tố cáo trong chính quyền để lũng đoạn hàng ngũ công chức.

Riêng về bà Aung San Suu Kyi, tuy rằng bị hoàn toàn cô lập, bà vẫn cương quyết chống đối nhóm quân phiệt và thường xuyên bí mật gửi thông điệp cho quần chúng hờ hào hãy bền lòng đấu tranh giành tự do dân chủ.

Giải Nobel Hòa Bình 1991 không phải để tưởng thưởng quá trình tranh đấu của bà, mà chỉ để cổ động cho đường lối cũng như những cuộc đấu tranh chính trị bất bạo động để giành tự do dân chủ. Ngoài ra, nó cũng giúp đem Miến Điện ra trước ánh sáng của dư luận quốc tế.

Trật tự thế giới mới: già từ vũ khí hạch tâm

Tổng thống Hoa Kỳ George Bush, trong một bài diễn văn long trọng đọc trước quốc dân ngày 27-9-1991, đã tuyên bố sẽ đơn phương giảm vũ khí hạch tâm và kêu gọi Liên Xô cũng nên có những biện pháp bạo đạn tương xứng.

Tổng thống Bush đã biện minh cho đường lối mới này như sau: "Tại thời điểm này, chúng ta có thể đề ra một số biện pháp có mục tiêu làm cho thế giới bớt nguy hiểm hơn. Bởi vì, những đe dọa Liên Xô xâm chiếm Châu Âu không còn nữa, khối Warszawa đã tan rã và những người chủ trương dân chủ đã thắng thế tại Moskva".

Đề nghị của tổng thống Mỹ gồm ba phần. Trước hết, những vũ khí nguyên tử chiến thuật có tầm ngắn sẽ bị phá hủy. Một cách cụ thể, các hỏa tiễn, đạn, bom nguyên tử đặt tại Châu Âu và trên các chiến hạm của hải quân Mỹ sẽ được triệt thoái và phá hủy cùng với những vũ khí tương tự đặt trên đất Mỹ. Về phía các vũ khí chiến lược, tổng thống Bush đơn phương không đặt oanh tạc cơ B52 chở vũ khí hạch tâm trong tình trạng báo động thường trực như trước nữa và đề nghị Liên Xô thương lượng để cùng nhau hủy bỏ các hỏa tiễn liên lục địa đa đầu đạn nguyên tử đặt trên đất liền. Cuối cùng, tổng thống Hoa Kỳ đề nghị với Liên Xô hợp tác để cùng nhau phát triển những hệ thống phòng thủ chống hỏa tiễn. Đây là chương trình giới hạn trong khuôn khổ một vài thí điểm chống hỏa tiễn (GPALS - Global Protection Against Limited Strikes), thu hẹp của chương trình ISD (Initiative of Strategic Defense), "chiến tranh hành tinh", do tổng thống Reagan đề xướng trước đây, nhưng quá tốn kém nên phải ngưng lại.

Ngay ngày hôm sau, thứ bảy 28-9-1991, tổng thống Gorbachev đã trả lời chấp nhận những đề nghị của tổng thống Bush. Nhưng để chứng tỏ là không hoàn toàn bị dồn vào thế thụ động, tổng thống Gorbachev đưa ra một số phản đề nghị, chẳng hạn như phải đem các vũ khí nguyên tử chiến thuật của Pháp và Anh vào trong khuôn khổ giảm thiểu, hủy bỏ hoàn toàn các cuộc thí nghiệm nguyên tử, v.v...

Ngoài mục tiêu đáng khen ngợi là chấm dứt tình trạng căng thẳng đáng sợ trước đây, những sáng kiến này của hai bên có những dụng ý thiết thực hơn. Trước hết, những chương trình chạy đua vũ trang đã làm cho hai nước suy sụp. Kinh tế của Liên Xô hoàn toàn phá sản, ngoài lý do những sai lầm cơ bản của chính sách cộng sản, có thể giải thích bằng gánh nặng quốc phòng quá to tát trong ngân sách quốc gia. Cũng vì lý do trên mà Hoa Kỳ đã trở thành con nợ của Nhật Bản và Đức. Ngoài ra, sau khi các Cộng Hòa có chứa vũ khí nguyên tử như Bielorussia, Ukraina, Kazakhstan, đòi tự trị hoặc độc lập, mối nguy là các Cộng Hòa này có thể dùng các vũ khí hạch tâm trong tay để làm sãng-ta kinh tế hoặc bán cho các nước khác, trở thành một mối lo tâm huyết cho các nước tây phương. Đề nghị hủy diệt hoàn toàn các vũ khí chiến thuật, cho phép Liên Xô rút các vũ khí này từ các Cộng Hòa ly khai để hủy mà không sợ bị phản đối hoặc thiệt thòi. Người ta không ngạc nhiên khi Liên Xô đã đáp ứng một cách vồn vã.

Chế độ độc tài Zaire sắp tới số

Bắt đầu bằng một cuộc nổi loạn, vào đêm chủ nhật 22 rạng

ngày 23-9-1991, của một nhóm binh sĩ đòi được trả lương, vì từ nhiều tháng nay chính phủ trung ương đã "quên" không phát lương. Tuy rằng đó là một số lương chết đói, đến nỗi quân lính, muốn kiếm thêm tiền, đã sẵn sàng cho thuê quân phục của mình cho bọn du thủ du thực. Cuộc biến loạn này đã được sự phụ họa của nhóm người này dưới bộ quân phục thuê. Đó cũng là lý do giải thích phần nào những cảnh thổ phỉ, cướp giật các cửa hàng và các biệt thự tư nhân ngoại kiều một cách vô cùng tàn bạo và lạnh lùng. Các cuộc biến động này đã gây ra khoảng từ 20 đến 30 người thiệt mạng. Các chính phủ Pháp và Bỉ đã phải gửi lính nhảy dù đến thủ đô Kinshasa để thiết lập lại trật tự và bảo vệ kiều bào. Hàng trăm kiều dân Pháp và Bỉ đã phải di tản khỏi thủ đô Kinshasa để lánh nạn. Các cuộc biến động này đã lan ra các tỉnh Kisangani ở phía đông bắc, tỉnh Kolwesi, Lubumbashi, Likassi ở đông nam, nghĩa là ở hầu hết các tỉnh lớn của Zaire.

Zaire là một nước lớn nhất trong vùng Trung Phi, diện tích vào khoảng 2,5 triệu km² (gần tám lần Việt Nam) với một dân số vào khoảng 40 triệu người. Đây là một nước có nhiều tài nguyên thiên nhiên: đồng, cobalt, và nhất là kim cương. Sau gần 60 năm là thuộc địa của nước Bỉ, Zaire được trao trả độc lập vào ngày 30-6-1960. Tổng thống đầu tiên là ông Joseph Kasavubu, nhưng thực quyền nằm trong tay thủ tướng Lumumba, một người rất có tài hùng biện nhưng cũng rất quá khích. Ngay sau đó, Lumumba và Kasavubu tranh chấp với nhau. Lumumba bị Tshombé bắt cóc và thủ tiêu. Liên sau đó, Moise Tshombé nổi loạn với sự hỗ trợ của bọn lính đánh thuê người Pháp và Bỉ muốn tách rời tỉnh Katanga ra khỏi ảnh hưởng của chính quyền trung ương. Những cuộc chiến ly khai này đã bị quân đội Liên Hiệp Quốc đập tan. Ngày 24-11-1965, tướng Mobutu Sese Seko, một cựu trung sĩ quân đội Bỉ được phong đại tá và bộ trưởng quốc phòng sau ngày độc lập, cướp chính quyền, thiết lập Cộng Hòa Dân Chủ Congo và sau đó đổi thành Cộng Hòa Zaire ngày 21-10-1971.

Sau hội nghị thượng đỉnh La Baule (một thành phố nghỉ mát trên bờ biển Đại Tây Dương Pháp), giữa Pháp và các nước Châu Phi nói tiếng Pháp, với sự khuyến cáo cởi mở dân chủ của tổng thống Mitterrand, Mobutu, sau 23 năm độc đảng, đã chấp nhận chế độ đa nguyên, đa đảng. Một "Hội Nghị Toàn Quốc" qui tụ các tôn giáo, đảng phái chính trị kể cả đối lập được triệu tập. Từ hơn một năm nay, uy tín của tổng thống Mobutu đã hoàn toàn suy sụp, các chính phủ ngoại quốc như Pháp và Bỉ cũng như các công ty đầu tư lớn tại Zaire hy vọng đối lập sẽ đoàn kết, lấy trách nhiệm lịch sử kết hợp thành một lực lượng có tầm vóc để có thể thay thế Mobutu. Nhưng hy vọng đó đã tan thành mây khói. Giáo hội Thiên Chúa giáo, tín ngưỡng của gần 70% dân Zaire đã tuyên bố rút lui khỏi "Hội Nghị Toàn Quốc" với lý do chờ đợi Hội Nghị này chứng tỏ ý chí trở thành một diễn đàn của hòa giải, sự thật và dân chủ. Ông Etienne Davignon, chủ tịch tổng giám đốc ngân hàng Société Générale de Belgique, ngân hàng đã kiểm soát hầu hết nền kinh tế Zaire trong thời kỳ thuộc địa và hiện nay vẫn còn giữ một vai trò quan trọng tại xứ này, đã tuyên bố: "Tôi nghĩ rằng Hội Nghị Toàn Quốc sẽ lật đổ tổng thống Mobutu, nhưng hội nghị đã hoàn toàn bế tắc vì các tranh chấp chia rẽ của đối lập".

Mobutu, trước tình thế hỗn loạn đã phải giải tán chính phủ, mời một lãnh tụ đối lập làm thủ tướng, sau đó bị tranh chấp, lại phải giải tán chính phủ, đưa một thân tín của mình làm thủ tướng. Chống đối lại bùng lên, nạn đói đang đe dọa nhân dân Zaire và cái chết đang đến gần với chế độ Mobutu.

Kiều binh bóp chết nền dân chủ sơ sinh tại Haiti

Đêm 30-9 rạng 1-10-1991, một cuộc đảo chánh do tướng Raoul Cédras, tổng tư lệnh quân đội Haiti chỉ huy đã lật đổ tổng thống Jean Bertrand Aristide, một vị tổng thống dân cử đầu tiên trong lịch sử Haiti. Tổng thống Aristide đã thoát được sang Caracas nhờ máy bay của tổng thống Venezuela, Carlos Andres Perez, sau khi bị đánh đập tàn nhẫn. Hàng trăm người đã thiệt mạng, bọn kiêu binh đã tỏ ra đặc biệt hung bạo.

Tổng thống Aristide rất trẻ, sinh năm 1953, chưa đầy 40 tuổi. Xuất thân là một tu sĩ công giáo, linh mục Aristide đã từng gây sóng nổi bằng những bài giảng đạo nẩy lửa, chống nhà độc tài "tổng thống suốt đời" Jean Claude Duvalier, biệt danh "Baby Doc", trong nhà thờ Saint Jean Bosco tại thủ đô Port au Prince. Aristide đã bị đám thù hạp của Duvalier ám sát hụt đến tám lần trong khoảng thời gian năm năm trước đây. Ngược lại chính Aristide cũng đã không ngần ngại tự tay xả súng bắn vào nhà một cường hào của chế độ "Baby Doc". Những thành tích này đã đem lại cho Aristide nhân hiệu "linh mục đỏ", bị Tòa Thánh Vatican khai trừ và bị trục xuất ra khỏi dòng tu vào tháng 12-1988. Trong cuộc bầu cử tổng thống vào tháng 12-1990, dưới sự giám sát của Liên Hiệp Quốc và của Ủy Ban An Ninh Bầu Cử mà chính tướng Raoul Cédras chỉ huy, linh mục Aristide đã đại thắng với 66,7% số phiếu. Ngay sau khi thắng cử, tổng thống Aristide đã chủ trương một chính sách theo ông có tính chất "công lý, tham gia và trong sáng". Những ngôn ngữ "xã hội" bị loại ra ngoài các diễn văn, quyền tư hữu được tuyên bố tôn trọng, công lý thô bạo của các tòa án nhân dân bị bãi bỏ. Ngoài ra, tổng thống Aristide còn cho một loạt tướng về hưu, với mục đích tiêu diệt các mầm mống "đảo chánh" của nhóm tướng lãnh già và đã đặt các vị tướng tá trẻ vào những vai trò nòng cốt của quân đội, mong rằng họ sẽ mang ơn và trung thành với tân tổng thống. Chính tướng Raoul Cédras đã được tổng thống Aristide bổ làm tổng tư lệnh quân đội, thay thế tướng Herard Abraham, năm tháng sau khi nhậm chức tổng thống.

Quân đội, từ lâu vẫn là một thứ kiêu binh, đã bị ung thối vì những tệ đoan tham nhũng, hối lộ, buôn lậu nhất là ma túy, đã không từ bỏ được thói quen từ xưa đến nay là nắm giữ quyền lực, ngay cả khi những vai trò lãnh đạo quân đội vào tay những ông tướng tá trẻ do ân huệ của chính tổng thống Aristide. Aristide cũng đã bị kết án là chỉ dùng những người thân tín, những trí thức khuynh tả hoặc những người công giáo đã ủng hộ ông trong cuộc tranh cử tổng thống.

Cuộc chiếm quyền của tướng Cédras đã bị nước Pháp, Mỹ, Liên Hiệp Quốc và Tổ Chức Các Quốc Gia Châu Mỹ đồng loạt lên án là bất hợp hiến và đòi hỏi tái lập quyền hành cho tổng thống Aristide. Trong một buổi họp tại Washington, tổ chức này đã nghị quyết cấm vận đối với Haiti và phong tỏa các tài sản của Haiti, chỉ trao trả những tài sản này cho một chính phủ do tổng thống Aristide cầm đầu. Trước áp lực này, nhóm tướng tá đảo chánh đã dựng lên một chế độ dân chủ hình thức rất khôi hài. Để thay thế tổng thống Aristide, họ đã dí súng bắt các dân biểu bầu thẩm phán Joseph Nérette làm tổng thống tạm thời. Các sĩ quan quát tháo bắt các dân biểu bầu cho bằng được một tổng thống: "Chúng tao muốn một tổng thống, bầu ai cũng được, bầu một con

chó cũng được".

Nền dân chủ của Haiti đã là nền dân chủ chết yểu nhất. Nhưng chế độ quân phiệt Haiti chắc chắn cũng sẽ chết rất sớm.

Hồi hương cưỡng bách

Tháng 12 năm 1989, các đài truyền hình và báo chí đã cho cả thế giới chứng kiến hình ảnh thô bạo của chính quyền Hồng Kông cưỡng bách 51 thuyền nhân trở về Việt Nam trong một chuyến bay đêm. Với phản ứng mạnh mẽ của dư luận thế giới cũng như của cộng đồng người Việt hải ngoại, chính quyền Hồng Kông đã ngưng việc cưỡng bách hồi hương, và Cao Ủy Tị Nạn LHQ (HCR) đã cùng các nước liên hệ tìm cách khuyến dụ những người bị từ chối tư cách tị nạn "tự nguyện hồi hương", rồi sau đó "không tự nguyện, nhưng không chống cự việc hồi hương". Từ đó đến nay đã có hơn 10.000 người trở về theo thể thức này. Riêng năm nay, đã có 3.559 người hồi hương, nhưng đồng thời cũng có hơn 19.000 thuyền nhân đến Hồng Kông, nâng con số tị nạn tại đây lên 64.000. Chỉ có 5.000 trong số đó được công nhận tư cách tị nạn.

Giữa tháng 10 vừa qua, tại Hà Nội đã diễn ra cuộc họp giữa đại diện chính quyền Anh và Việt Nam, để quay trở lại giải pháp cưỡng bách hồi hương. Hoa Kỳ và Việt Nam là hai nước cương quyết chống lại việc cưỡng bách hồi hương, nhưng gần đây Hoa Kỳ đã không còn quyết liệt như trước nữa. Kỳ họp này, Anh Quốc dự trừ ký thỏa ước với Hà Nội, nhưng cuối cùng thỏa ước đã bị đình hoãn. Trong khi đó, tại trại Whitehead ở Hồng Kông, 12.000 tị nạn đã biểu tình chống cưỡng bách hồi hương và nêu khẩu hiệu "Thà chết còn hơn đỏ" ("Dead Better Than Red").

Quốc tế muốn giải quyết tận gốc vấn đề tị nạn chỉ có một cách duy nhất: dùng áp lực buộc Hà Nội dân chủ hóa thực sự.

Lũ lụt lớn ở đồng bằng sông Cửu Long, sông Hồng và sông Thái Bình

Năm nay trời lại không thương dân ta. Sau Sơn La, Lai Châu, đến Nghệ Tĩnh bị bão lụt nặng gây thiệt hại cho miền Bắc 1,5 triệu tấn lúa, lại đến lụt miền Nam bị lụt lớn.

Đồng bằng sông Cửu Long mọi năm đều có lụt, nhưng mùa lụt năm nay đặc biệt trầm trọng. Trong thời gian từ 13 đến 18-9-1991, nước sông Cửu Long dâng cao và tràn ngập khắp đồng bằng. Mực nước cao nhất đo được ở Tân Châu là 4,8m, tại Châu Đốc 4,31m. Trên sông Vàm Cỏ Tây, mực nước tại Mộc Hóa cũng lên rất nhanh và đạt tới mức 4,15m.

Sự thiệt hại của trận lụt này vô cùng nghiêm trọng và hậu quả của nó sẽ ảnh hưởng lâu dài đến tình hình phân phối lương thực trên toàn cõi Việt Nam, nhất là trong dịp Tết Nhâm Thân sắp tới. Nạn đói đang xuất hiện ngay tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long (vựa lúa lớn nhất nước) và Sài Gòn. Theo số liệu của Phân Ban Chống Lụt Nam Bộ, trận lụt này đã gây thiệt hại cho đồng bằng sông Cửu Long ít nhất là 70.000 ha lúa, 40.000 ha vườn. Tất cả hệ thống giao thông: đường sá, cầu cống, kinh mương đều bị hư hại nặng.

Tại An Giang đã có 52 người chết, hơn 23.000 ha lúa mùa không gặt kịp bị ngập, sản lượng có thể giảm hơn 50%, gần 2.500

ha lúa thu coi như bị mất trắng, 58.304 căn nhà bị ngập, có 224 nhà bị cuốn trôi, hai cây cầu trên tỉnh lộ 53 bị sập, các tỉnh lộ 48, 90 bị sạt lở nhiều đoạn khiến giao thông bị tắc nghẽn, thiệt hại khoảng 50 tỷ đồng. Tại Đồng Tháp hơn 2/3 diện tích trồng lúa bị ngập, 3.800 ha lúa hè thu mất trắng, hơn 17.000 tấn lương thực bị thiệt hại, 13 người chết, 14.275 người cần phải cứu đói ngay và hơn 18.000 người trong vòng ba tháng. Trên 95% nhà cửa ruộng vườn, đường giao thông của tỉnh Đồng Tháp đã bị ngập nước từ 3 đến 4m, có 13 cây cầu chính bị cuốn trôi hay sập, 22.000 nhà bị ngập, 184 nhà bị cuốn trôi và 1.094 phòng học bị ngập, trong đó có 1.000 phòng học bằng tranh tre bị hư hại 100%, làm hơn 110.000 học sinh phải nghỉ học. Long An cũng mất gần 15.000 ha lúa mùa. Toàn bộ trường học cấp I và II của tỉnh Long An chưa khai giảng được vì lụt 21.100 căn, có 608 nhà bị nước cuốn, 9 cầu bị sập, 354 km đường giao thông bị hư hại nặng, có 55 người chết. Đồng Tháp và Long An mỗi tỉnh thiệt hại khoảng 100 tỷ đồng và 21.275 hộ dân phải di chuyển ra khỏi các vùng bị ngập lụt. Tiền Giang thiệt hại khoảng 70 tỷ. Hậu Giang mất trắng 4.000 ha lúa hè thu, 5.000 căn nhà bị sập và có 7 người chết. Đó là chưa kể số heo, bò và gia cầm khác bị chết trôi, gây ô nhiễm nhiều vùng rộng lớn, các bệnh dịch đã xuất hiện làm thiệt mạng rất nhiều đồng bào. Riêng tại Kiên Giang, tuy lũ lụt xuất hiện chậm hơn nhưng bị dịch xuất huyết, đã có 1.600 ca bệnh, trong đó gần 100 người bị chết. Thiệt hại vật chất khoảng 50 tỷ đồng.

Tại miền Bắc, do ảnh hưởng của cơn bão số 6, mức nước trên sông Hồng, sông Thái Bình gần đến mức báo động khẩn. Ngày 16-8, mức nước sông Hồng tại Hà Nội đo được là 11,49 m, chỉ thấp hơn mức nước báo động cấp ba 1cm. Ngày 15-8, mức nước sông Thái Bình tại Phả Lại đo được là hơn 5m, gần mức báo động cấp ba. Hiện nay các tuyến đê thuộc hai triền sông nói trên đã xuất hiện một số mạch sủi và đe có thể bị vỡ. Cơn bão số 6 này cũng đã gây nhiều thiệt hại về tài sản cho dân chúng tại các tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Huyện Kỳ Anh có nhiều nhà bị sập, quốc lộ số 1 bị ngập nước trên 1m, huyện Cẩm Xuyên có 300 ngôi nhà bị tốc mái, 100 phòng học bị hư hại, nhiều đoạn đê bị sạt lở. Các ruộng lúa tại Hà Tĩnh và Nghệ An đều bị ngập úng và đang ảnh hưởng rất lớn đến tình hình phân phối lúa gạo vốn đã khó khăn tại đây. Nạn đói đã xuất hiện nhiều nơi tại đồng bằng sông Thái Bình.

Giá gạo đã tăng nhanh trong hai tháng qua, từ 1.800 đồng/1kg gạo trắng (tháng 7) tăng lên 2.100 (tháng 8) và 3.100 (tháng 9).

Giáo hội Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại ra tuyên cáo

Một bức tâm thư đề ngày 10-09-91 của Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu trụ trì Tổ đình Thiên Mục Huế đã được gửi đến toàn thể các vị lãnh đạo Phật Giáo Việt Nam tại hải ngoại. Trong nội dung bức tâm thư, vị Lão Hòa Thượng đã kêu gọi tất cả các tăng ni đang tu học và hành đạo tại nước ngoài hãy "phát huy hơn nữa bản thể Tăng gia mà đoàn kết hòa hiệp, cùng nhau thể hiện tinh thần tương kính tương thuận tương giáo tương sám như luật dạy. Hãy vì sự tồn tại của Giáo hội, vì sự quang vinh của đạo pháp và dân tộc mà gạt bỏ những quan điểm dị biệt để cùng nhau hoằng dương Chánh pháp, làm được nhiều điều Phật sự cụ thể, hữu ích và lớn lao hơn nữa..."

Ngoài ra, Giáo hội Phật giáo tại hải ngoại cũng nhận được bức tâm thư của Thượng tọa Thích Quảng Độ tại Thái Bình và thư của Thượng tọa Thích Huyền Quang tại Quảng Ngãi kêu gọi toàn thể Tăng tín đồ Phật giáo hải ngoại thành kính "hướng tâm về quê hương để hứa sẽ làm theo đúng những lời chỉ dạy tâm huyết" của Đức Đại Lão Hòa Thượng.

Ngày 3 tháng 10-91, bốn Giáo hội Âu Châu, Hoa Kỳ, Canada, Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan đã ký một tuyên cáo chung đồng ý quyết định những mục tiêu sau đây:

1. Tích cực thực hiện công cuộc đoàn kết, hòa hợp Tăng tín đồ Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại.
2. Đòi hỏi chính quyền Việt Nam hiện tại phục hồi về phương diện pháp lý, nhân sự và tài sản của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tại quê nhà cũng như trả tự do cho các vị lãnh đạo tôn giáo, các văn nghệ sĩ trí thức và các nhà hoạt động cho nhân quyền hiện còn bị giam giữ tại Việt Nam.
3. Chủ trương tiến tới một nước Việt Nam thực sự tự do dân chủ nhằm phục vụ quốc gia dân tộc trên tinh thần từ bi bình đẳng của đạo Phật.
4. Sau đó, sẽ tích cực góp phần vào các công tác từ thiện xã hội và tái thiết đất nước.

Để thực hiện các mục tiêu trên, một "Ủy Ban Điều Hợp Các Tổ Chức Phật Giáo Việt Nam Tại Hải Ngoại" đã được thành lập. Ủy ban này có nhiệm vụ chấp hành đường lối chủ trương chung, phối hợp hoạt động và chịu trách nhiệm trước các Giáo hội thành viên.

Tuyên cáo chung này đồng ký do các Thượng tọa Thích Minh Tâm (Âu Châu), Thích Đức Niệm (Hoa Kỳ), Thích Thiện Nghị (Canada) và Thích Phước Huệ (Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan).

Đúng vưng hay không?

Phó thủ tướng Phan Văn Khải đã kết thúc ba ngày Hội Nghị Tài Chánh Các Tỉnh Thành Phía Nam bằng một bài tham luận đã được báo Tuổi Trẻ ngày 7-9-1991 đăng lại. Tựa đề là một câu hỏi đầy ý nghĩa "Việt Nam Có Đúng Vưng Được Hay Không?". Ông Khải nói rằng "giải quyết tốt các vấn đề tài chính, tiền tệ, giá cả, thị trường" là trả lời câu hỏi trên.

Đây thực là một lối nhìn quá giản đơn xuất phát từ nhân vật số 2 trong chính phủ, người được coi như là có khả năng và có tinh thần tiến bộ nhất trong ban lãnh đạo hiện nay. Bế tắc của chính quyền cộng sản không đơn thuần là bế tắc về mặt kinh tế, mà là bế tắc về mọi mặt, nhất là mặt chính trị trong đó chính sách ngoan cố theo đuổi chủ nghĩa Mác-Lênin đang gặp phải sự phản nộ càng ngày càng lên cao trong dân chúng.

Tuy nhiên dù đã đặt vấn đề một cách đơn giản như vậy, ông Khải cũng vẫn không trả lời được. Theo ông Khải, mức thu năm 1991 đã phải điều chỉnh lên ở mức 8.630 tỷ đồng, tăng 1.340 tỷ so với ngân sách ban đầu. Số bội chi sẽ là 2.000 tỷ trong khi quốc hội chỉ cho phép bội chi 1.600 tỷ. Nói một cách khác, ngân sách mới là ngân sách bất hợp pháp. Ông Khải cất tiếng kêu thê thảm "Không thể để số bội chi lên 2.000 tỷ được. Năm nào chúng ta cũng bội chi!" (Nguyên văn, kể cả dấu chấm than [!]).

Ông Khải cho rằng công tác thu thuế trong 4 tháng còn lại là chiến lược, nhưng lại thú nhận là sẽ thất thu. Ông nói nguồn thu từ các đơn vị ngoài quốc doanh, nguồn thu chủ yếu của ngân sách, thất thoát từ 30 đến 40%.

TIN TỨC...THỜI SỰ... TIN TỨC...

Về giá cả, ông Khải cho rằng tốc độ trượt giá hiện nay là từ 60 đến 70% (thực ra, nếu dựa trên những dữ kiện hàng tuần của Ủy Ban Vật Giá thì mức gia tăng giá cả có thể tính một cách dễ dàng và đang ở mức 125%, nghĩa là gần gấp đôi con số của ông Khải). Ông Khải không hề hy vọng chặn được đà gia tăng vật giá mà chỉ hy vọng "làm cho tốc độ này chậm lại".

Về tình hình giá vàng và ngoại tệ, ông Khải thú nhận bất lực: "có thể nói chúng ta hình như không có biện pháp".

Trước tình hình bi đát như vậy, ông Khải chỉ đề nghị ra có hai biện pháp đều rất tai hại.

Một là qui tất cả về một mối, xóa bỏ kinh tế địa phương, tất cả do Trung Ương quyết định. Biện pháp này sẽ làm tê liệt hết sinh hoạt kinh tế, và chắc chắn sẽ không áp dụng được vì sẽ gặp sự chống đối của mỗi địa phương.

Hai là dẹp bỏ thị trường ngoại tệ tự do, bắt buộc ngoại tệ phải qua ngân hàng nhà nước, để nhà nước dễ quản lý. Biện pháp này sẽ chỉ làm cho vàng và đô-la tăng giá đột ngột hơn nữa.

Ông Khải đã thú nhận là chính quyền không có biện pháp. Nhưng xét cho cùng không có biện pháp còn hơn có những biện pháp mà ông Khải đề ra.

Biên thủ: gấp hai lần ngân sách

Chuyện khó tưởng tượng nhưng có thật: cơ quan Tổng Thanh Tra Nhà Nước cho biết trong vòng một năm đã phát hiện được số tài sản bị thất thoát lên tới gần 2 tỷ USD (con số chính xác là 1.947 triệu USD, gấp hai lần ngân sách nhà nước năm 1991), 1.510 tỷ đồng VN (gấp ba lần ngân sách giáo dục), 1.253 lượng vàng và 33.895 tấn thóc.

Cần nhấn mạnh đây chỉ là những con số của những vụ phạm những phát hiện được mà thôi. Phó tổng thanh tra nhà nước, Trần Thuận, nhấn mạnh rằng những con số này chưa đầy đủ và ông báo động rằng việc chống tham nhũng hiện nay có khuynh hướng giảm sút đi mặc dầu mức độ ăn cắp của công đã lên tới mức độ kinh khủng như vậy.

Có rất ít vụ được đem ra tòa. Phần lớn những vụ phát hiện được đã chỉ được đem "xử lý hành chính", nghĩa là khiển trách, kỷ luật, giáng chức, cách chức hay chuyển chuyển đi nơi khác mà thôi. Trong vòng một năm, theo ông Trần Thuận, đã có 19.220 người bị xử lý hành chính, trong số này có bảy thứ trưởng và tương đương, sáu lãnh đạo cấp vụ trưởng và tổng giám đốc, tám tỉnh ủy viên, bốn bí thư huyện ủy (đứng đầu đáng bộ huyện), 99 huyện ủy viên và hàng trăm giám đốc.

Các viên chức ngành thanh tra cho biết bọn tham nhũng càng ngày càng cấu kết, bao che cho nhau và cũng rất mưu mô, xảo quyệt. Nhiều khi chính họ không chế ngành thanh tra.

Một phó tổng thanh tra nhà nước khác, ông Lê Quang Thắm, cho hay là các thanh tra làm việc trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn vì không có đủ thẩm quyền. Trên nguyên tắc thanh tra ở bộ nào tùy thuộc bộ, ăn lương, lên chức, phụ cấp đều do bộ, do đó không dám làm phiền thượng cấp.

Trường hợp Nguyễn Thiện Luân, thứ trưởng Bộ Nông Nghiệp và Công Nghiệp Thực Phẩm, là một thí dụ. Nguyễn Nguyễn Thiện Luân được Hội Đồng Bộ Trưởng chỉ định để lãnh đạo công tác chống tham nhũng tại Bộ. Luân đã biên thủ 52 tấn bột ngọt và chống trả rất lâu trước khi bị xử lý.

Báo cáo của Tổng Thanh Tra Nhà Nước cũng cho hay là không những tham nhũng đã khó phát giác, mà lại chỉ được xử lý một cách rất chậm chạp. Cho tới nay chỉ mới có khoảng 50% các vụ bị phát giác được xử lý.

Kết tội người đàn bà này như thế nào?

Sự nghèo khổ có thể biến một tình cảm cao đẹp như tình mẫu tử thành một tội ác. Lê Thị Bích Phượng, ở Củ Chi, đến nhà hàng xóm thấy bé Giang, 6 tuổi, đeo đôi bông hai phân vàng. Phượng đã tìm cơ hội nhận bé Giang xuống sông đến chết, lấy đôi bông tai bán được 42.000 đồng (tương đương với 25 Francs Pháp hay 4 USD), để lấy tiền mua thuốc chữa bệnh cho con mình.

Báo Tuổi Trẻ ngày 17-9-1991 cho hay là phiên tòa ngày 10-9-1991 đã xử Lê Thị Bích Phượng 20 năm tù về tội giết người. Không biết đây là vụ án Lê Thị Bích Phượng hay vụ án một chế độ đã chìm cả nước vào cảnh nghèo khổ.

Sự nghèo đói đang làm con người trở thành man rợ. Ngày 7-9-1991, hai hung thủ Nguyễn Văn Hưng (21 tuổi) và Dương Văn Thắng (28 tuổi) xông vào một căn chòi tại Gò Vấp dùng cuộc đập chết chủ căn chòi là bà Nguyễn Thị Lang, sau đó chặt ngón tay bà Lang lấy chiếc nhẫn vàng một chỉ. Cô Bùi Thị Tốt, con bà Lang cũng bị đập chết và bị xẻo tai lấy đôi bông. Chồng bà Lang bị chém trọng thương bằng mã tấu. Cả hai hung thủ, Hưng và Thắng, đều không phải là cướp chuyên nghiệp. Chúng đều là nông dân ngụ cùng phường với bà Lang. Tang vật gồm một cuộc, một dao rựa và một mã tấu.

Sự nghèo đói cũng khiến con người trở thành liều lĩnh một cách đáng sợ. Cũng theo Tuổi Trẻ ngày 17-9-1991, một thanh niên tên Võ Thành Trung ở phường 17, quận Gò Vấp (nơi xảy ra vụ thảm sát mẹ con bà Nguyễn Thị Lang nói trên), phát hiện một người đi xe gắn máy đẩy một người đi xe ba gác (một loại xe ba bánh chỉ để chở hàng) chở một vật rất lớn và rất nặng gói trong bao ny-lông đi về hướng Sài Gòn. Hình như thấy bị chú ý, hai người này bỏ vật nặng xuống đường rồi đi mất. Anh Võ Thành Trung báo cho công an. Sau khi mở bao ny-lông, công an phát giác một sự kiện ngoài tất cả mọi tưởng tượng: đó là một trái bom nặng 250 kg, dài 1,2m, còn nguyên thuốc nổ và ngòi nổ.

Hai "chủ bom" chắc chắn không phải là những phần tử phá hoại mà là những người kinh doanh kim khí vụn. Hiện nay tìm kiếm vũ khí cũ để tháo dỡ, cưa bán kim loại vụn là một nghiệp vụ rất thịnh hành. Rất nhiều người đã thiệt mạng, bị tàn phế vì làm ăn như vậy. Cũng may nội vụ được phát giác kịp thời, nếu một trái bom như vậy mà phát nổ ở nơi đông dân cư thì không biết hậu quả sẽ ra sao.

Thảo luận về tình hình đất nước

Một buổi họp để thảo luận về tình hình đất nước đã được tổ chức chiều ngày 6-10-1991, tại quận 12, Paris. Các ông Đinh Văn Hoàng, cựu giáo sư Đại Học Khoa Học Sài Gòn và Marseille, và ông Khương Quang Đồng, kỹ sư, chủ tọa buổi họp. Cử tọa gồm nhiều khuynh hướng chính trị khác nhau, từ những người đã từng ủng hộ chính quyền cộng sản đến những người chống cộng triệt để. Ban tổ chức hội thảo, ngoài ông Hoàng và

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

ông Đồng, còn có các ông Trần Huy Hoàn, Võ Nhân Trí, Nguyễn Hữu Thư, Nguyễn Văn Trần và Vũ Thiện Hân. Những người tổ chức cũng như những người đến tham dự đều không nhân danh một đoàn thể nào. Chủ tọa đoàn cho biết sẽ không có biểu quyết hay bỏ phiếu về bất cứ vấn đề gì.

Ông Bùi Tín đã được mời lên bàn chủ tọa để nói về tình hình Việt Nam sau Đại Hội VII của đảng cộng sản. Ông Tín đã trình bày những bế tắc về mọi mặt của chính quyền cộng sản Việt Nam như kinh tế (lụn bại hoàn toàn do nền kinh tế chỉ huy), xã hội (kiệt quệ về vật chất cũng như đạo đức), chính trị (cơ lập hoàn toàn trên chính trường quốc tế), văn hóa (suy đồi do chính sách phi văn hóa của đảng càng ngày càng phổ cập trong quần chúng). Theo ông Tín, người Việt Nam hiện nay chỉ còn một giải pháp duy nhất là liên kết lại với nhau, trong cũng như ngoài nước, để lật đổ chế độ hiện tại, đem lại tự do dân chủ cho đất nước.

Ông Võ Nhân Trí, một kinh tế gia rất được chế độ cộng sản trọng vọng trước đây, cũng đã lên tiếng cảnh giác cộng đồng về việc cộng sản Việt Nam đang hướng về phía Trung Quốc, sau những năm chiến tranh với nước đàn anh vĩ đại này, khi đã bị các nước cộng sản anh em (nay không còn nữa) và Liên Xô bỏ rơi. Ông nhắc lại ý đồ của Đặng Tiểu Bình nhằm thiết lập trục Bình Nhưỡng - Bắc Kinh - Hà Nội giữa những người áp dụng chủ nghĩa xã hội một cách cứng rắn. Thế liên kết Trung Quốc - Việt Nam sẽ gây thêm nhiều khó khăn phiền toái cho những người Việt Nam yêu nước trong việc lật đổ chế độ hiện hữu. Nếu lên vấn đề ấy - theo ông - không phải để cho ta lo sợ, yếm thế mà cho ta thấy cần cảnh giác hơn trong hành động.

Ông Chánh, một tham dự viên đến từ nước Bỉ, đóng góp thêm về việc đưa người về trong nước ứng cử khi chính quyền cộng sản bắt buộc phải chấp nhận bầu cử tự do.

Nói chung, đa số những người phát biểu đều nhất trí là muốn phát triển kinh tế xã hội để đời sống nhân dân tốt đẹp hơn thì điều kiện tiên quyết là phải giải quyết được vấn đề chính trị, phải có một thể chế chính trị dân chủ đa nguyên đa đảng cho Việt Nam.

Nhiều câu hỏi đã đặt ra với ông Bùi Tín liên quan đến lập trường của ông. Khi được hỏi về lời cáo buộc phản bội của đảng cộng sản Việt Nam, ông đã trả lời "Tôi nhận là tôi đã phản bội, nhưng tôi chỉ phản bội những người đã phản bội nhân dân".

Với một thành phần tham dự viên hết sức khác biệt về lập trường chính trị, nhưng lại có được một thái độ hòa nhã, lắng nghe nhau. Mặc dù có người nói: "Tôi đến đây không phải để hòa giải hòa hợp với ai hết..." nhưng người khác lại cho rằng đây đúng là một buổi họp trong tinh thần hòa giải. Người ta thấy, ít ra trong ngôn ngữ, không còn nét hằn học như trước, mọi người phát biểu một cách chân thực, không che đậy giấu giếm tình cảm của mình mà vẫn giữ được vẻ ôn tồn tôn kính.

Cuộc thảo luận đã diễn ra tốt đẹp và đa số muốn tìm một cách hành động tích cực. Trong tinh thần đó, một người trong cử tọa đã nêu ra ý kiến nên lập một phái đoàn đến gặp ngoại trưởng Pháp Roland Dumas trước khi ông này sang Việt Nam vào tháng 11-1991, yêu cầu chính phủ Pháp can thiệp để nhà cầm quyền Việt Nam thả những văn nghệ sĩ và những người bất đồng chính kiến còn đang bị cầm tù, như Dương Thu Hương, Nguyễn Đan Quế, v.v... Ý kiến này đã được nhiều người tán thành và ban tổ chức hôm đó cũng đã nhận lời để xúc tiến việc trên cũng như tổ chức một buổi họp rộng rãi hơn trong những ngày sắp tới.

Tổ Chức Phục Hưng Việt Nam hội thảo chính trị

Ngày thứ bảy 19-10-1991 lúc 14 giờ, Tổ Chức Phục Hưng Việt Nam đã tổ chức một buổi hội thảo chính trị với đề tài "Tranh đấu đòi bầu cử tự do cho Việt Nam" tại hội trường số 11, đường Caillaux, quận 13, Paris. Đã có khoảng 150 người tham dự.

Sau phần nghi thức do ông Nguyễn Văn Xuyên đảm nhiệm, ông Trịnh Long Hải, đại diện miền Nam Âu Châu của TCFPHVN đã thay mặt ban tổ chức giới thiệu sự hình thành và quá trình đấu tranh của TCFPHVN.

Ông Trần Quốc Bảo, chủ tịch TCFPHVN đã thuyết trình đề tài đầu tiên: "Nhu cầu tranh đấu đòi bầu cử tự do cho Việt Nam". Những biến động chính trị vừa qua trong thế giới cộng sản cho thấy, nếu có được những cuộc bầu cử tự do thì chẳng những chế độ cộng sản cáo chung mà ngay chính đảng cộng sản cũng không còn điều kiện để tồn tại. Vấn đề là bầu cử trong những điều kiện nào? ai tổ chức bầu cử? và làm thế nào để chúng ta có thể thắng? Trả lời ba câu hỏi trên, ông Bảo khẳng định phải thay đổi Hiến pháp, phải có luật bầu cử rõ ràng do các lực lượng chính trị đồng chấp thuận và có kiểm soát quốc tế. Ông cũng nói cần hai yếu tố để có thể thắng cử, đó là phương tiện và sự phối hợp chặt chẽ giữa các đoàn thể và đảng phái không cộng sản. Ông đề xuất một kế hoạch gồm hai lĩnh vực: lĩnh vực tạo áp lực lên đảng cộng sản Việt Nam bằng thông tin nội địa, móc nối sinh viên, nhân công lao động ở Đông Âu, ngoại vận để cơ lập đảng CSVN, quảng bá tinh thần khoan hòa, không chủ trương trả thù; lĩnh vực chuẩn bị bằng cách nghiên cứu kinh nghiệm Đông Âu, vận động để cơ quan quốc tế tham gia giám sát bầu cử, tạo phương tiện tranh cử, và tạo sự phối hợp giữa các đoàn thể.

Đề tài thứ hai: "Kinh nghiệm bầu cử Đông Âu" do ông Ngô Quốc Sĩ, phát ngôn nhân TCFPHVN thuyết trình. Ông Sĩ điếm qua các kinh nghiệm đa dạng ở Ba Lan, Tiệp Khắc, Hungary, Romania, Đông Đức, Bulgaria và Albania để rút ra bài học đa phương về những yếu tố căn bản (vấn đề dân sinh, sự chuyển đổi tư tưởng) và những động lực chính yếu (khát vọng tự do dân chủ, sức mạnh dân tộc và quần chúng lãnh đạo). Cuối cùng, ông nêu lên những vấn đề then chốt khi áp dụng cho Việt Nam: chuẩn bị các lực lượng dân tộc, thái độ dứt khoát với cộng sản và những biến cố chậm ngòi.

Sau phần thuyết trình, hai ông Trần Quốc Bảo và Ngô Quốc Sĩ đã trả lời các câu hỏi của cử tọa, chủ yếu xoay quanh những khó khăn của giải pháp đấu tranh chính trị đòi bầu cử tự do. Với tài hùng biện và vì nắm vững hoàn toàn đề tài, hai diễn giả đã trả lời thỏa đáng và dứt khoát mọi thắc mắc, kể cả một vài câu hỏi có tính cách soi mói ra ngoài đề tài thảo luận.

Buổi hội thảo đã chấm dứt tốt đẹp vào lúc 18 giờ cùng ngày trong bầu không khí vui vẻ và cởi mở.

Cực hữu Đức bài xích người Việt

Tổ Chức Nhân Quyền Việt Nam (Hannover, Đức) vừa phổ biến một bức thư tiếng Việt và Đức gửi Tổng Thống, Thủ Tướng Liên Bang, Chủ Tịch Quốc Hội và Thủ Tướng các tiểu bang Cộng Hòa Liên Bang Đức về các hành động bạo lực dã man của các nhóm cực hữu Đức bài xích người Việt Nam và những người xin tị nạn thuộc nhiều quốc tịch khác trên các tiểu bang nước Đức. □

Độc giả viết

Thơ từ Budapest

[...] Hôm nay lại nhận được 10 tờ số Thông Luận 42, rất vui anh ạ! Tháng này nhận báo có muộn hơn so với tháng trước, chỉ muộn hơn có vài ngày thôi thế mà những ngày đó thấy buồn buồn, chỉ sợ tháng này không có Thông Luận đọc thì thiếu quá. [...] Trước đây bọn em đã có ý làm một tờ báo, nhưng sau khi đọc Thông Luận thấy hơi chùn một chút, chùn là vì làm báo mà nội dung không được như Thông Luận thì không biết có người đọc không, điều chắc chắn là bọn em không thể viết được những bài báo có tính chất nghị luận như vậy được, và thông tin không tường tận, chính xác như vậy được. Qua vài lần bàn cãi, tới nay bọn em vẫn mạnh dạn làm một tờ báo đấy... [...]

Minh và Cường (Budapest, Hungary)

Hungary chưa thấy có báo nào gửi qua đây, vậy các em đứng ra gánh lấy trách nhiệm nặng nề làm báo là hợp tình hợp lý rồi! Cứ cố lên, vạn sự khởi đầu nan, nhưng với kiên trì thế nào cũng thành công.

Bạn tốt

[...] Thông Luận đã trở thành người bạn rất tốt của anh em chúng tôi ở đây. Mỗi lần nhận được, tôi đều phân phối đến tận tay bốn anh em khác. Họ đều là những người tị nạn có trình độ đại học cả. Sau đó anh em đều chuyển tay nhau cho người khác. Ai cũng thấy Thông Luận tuy ngắn gọn nhưng lượng thông tin nhiều, có sức thuyết phục và nhất là có đường lối hòa giải và hòa hợp dân tộc rất đúng đắn. Sự giúp đỡ và cổ vũ của Thông Luận đối với các tờ báo và tạp chí ở một số nước xã hội chủ nghĩa là rất quý báu. Mong rằng Thông Luận sẽ được chuyển về Việt Nam nhiều hơn, đưa đến tận tay đồng bào ta để góp phần mạnh mẽ đưa cuộc đấu tranh cho một nền dân chủ đa nguyên đến thắng lợi hoàn toàn. Đó là con đường duy nhất đúng có thể cứu dân tộc ta ra khỏi thảm họa suy tàn. [...]

Phan Như Ngọc (Waiblingen, Đức)

Thông tin một chiều

Tôi rất hân hạnh được tờ Thông Luận số 41 trong tay. Tôi đọc rất kỹ các bài viết trong Thông Luận. [...] Khi đọc bài "Đảo chánh thất bại tại Liên Xô", tôi thấy vẫn chưa được hài lòng. Tôi xin lỗi Thông Luận trong câu: "Liên Xô đã phải nhận viện trợ nhân đạo của cả một nước nghèo như Ấn Độ". Viết như thế chưa đánh giá hết sự suy kiệt về kinh tế của nước xã hội chủ nghĩa đàn anh vẫn tự vỗ mặt xung hùng xung bá với tất cả các dân tộc khác.

Theo tôi nên viết đầy đủ rằng Liên Xô đã phải nhận viện trợ nhân đạo của nhiều nước Phương Tây, và cả của một nước nghèo như Ấn Độ. Người Việt Nam từ lâu nay vẫn biết rằng mình sống được là nhờ có viện trợ của Liên Xô (85% hàng viện trợ là của Liên Xô cung cấp) từ bánh xà-phòng giặt, cho đến các loại máy móc cỡ lớn xi và lạc hậu được sản xuất từ các nước cộng hòa tự trị trong Liên Bang Cộng Hòa XHCN Xô Viết) đều được đưa đến Việt Nam. Nay Liên Xô phải nhận viện trợ của các nước phương tây và cả Ấn Độ, vậy thì ai sẽ viện trợ cho Việt Nam tồn tại để tiến lên "xây dựng chủ nghĩa xã hội"?

[...] Bám sát vào các sự kiện chính trị hiện đang xảy ra, Thông Luận hãy phân tích kỹ hơn, sâu sắc hơn dẫn người đọc tiếp thu các sự kiện chính trị này. Nó đã tác động đến sự nhận thức của tất cả mọi người, những ai không thờ ơ với thời cuộc. Những ai hãy còn mơ tưởng về xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công ở Việt Nam. Những ai còn tin vào sự tuyên truyền của báo chí và hệ thống thông tin của chính phủ cộng sản Việt Nam. Hãy nhìn vào Đông Đức, hãy nhìn về Liên Xô để biết đâu là sự thật.

[...] Trước đây, tôi chỉ nghe thông tin có một chiều. Mà nguồn thông tin một chiều và nhiều khi cất xén gọt tía bớt sự thật của hệ thống thông tin báo chí ở Việt Nam - "đưa tin phải làm sao có lợi cho phe ta" - đã làm cho dân chúng ở Việt Nam hiểu sai về chế độ xã hội tư bản, ngay cả bản thân tôi. Vì vậy khi đọc Thông Luận, một bản tin bằng tiếng Việt xuất bản ở Paris, tôi hy vọng sẽ tìm thấy được sự thông tin chính xác, trung thực và nhất quán trong các sự kiện chính trị, kinh tế và xã hội. Tôi xin chân thành chúc Thông Luận hãy đến nhiều hơn với người đọc tiếng Việt ở cả hai miền nước Đức mới.

Minh Hương (một nữ độc giả ở Tây Berlin)

Phản bội hay kẻ sĩ?

Tôi đọc khá kỹ bài góp ý của ông Phạm Xuân Tích đối với bài "Nhìn lại Cách Mạng Tháng Tám" của ông Nguyễn Gia Kiểng trong Thông Luận số 42. Ông Tích viết "Ngày mà tôi tới Pháp năm 1980, điều mà tôi cay đắng nhất là thấy nhan nhản trong các tiệm sách, những người được gọi là trí thức của chế độ cũ tại Sài Gòn, đua nhau mặt sát giới lãnh đạo Việt Nam Cộng Hòa cũ [...] chính họ là những người đã giữ những trọng trách, những người chia sẻ trách nhiệm trong việc làm sụp đổ chế độ Cộng Hòa [...]. Nay họ lên tiếng mặt sát chế độ cũ của miền Nam, làm như họ KHÔNG LIÊN QUAN gì tới thất bại của miền Nam Việt Nam năm 1975, thì quả thực, đối với tôi, họ là những người thiếu trách nhiệm, trốn chạy và trở giáo quay cò, nghĩa là những người không xứng đáng để mang danh là một kẻ sĩ [...], nay chỉ vì một xấu

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

Bức thư ký tên TS Âu Dương Thế, chủ tịch TCNQVN, trình bày "sự lo âu sâu xa" trước "sự đã man vô giới hạn của các nhóm Tân Quốc Xã", và yêu cầu cứu xét các đề nghị khẩn thiết sau:

1. Cần nghiêm khắc áp dụng pháp luật đối với những phần tử đã dùng bạo lực chống lại người ngoại quốc.

2. Chính quyền liên bang và tiểu bang cần thống nhất sớm một chính sách rõ ràng và nhân đạo đối với ngoại kiều, đặc biệt cần tỏ rõ sự cương quyết trong việc bảo vệ các người thiểu số. Những cuộc tranh cãi chính trị không được phép diễn ra trên lưng những người thấp cổ bé miệng.

Được biết từ khi nước Đức thống nhất và chủ nghĩa cộng sản hoàn toàn phá sản, các khuynh hướng kỳ thị chủng tộc và "Tân Quốc Xã" hoài niệm thời kỳ Hitler đã phát triển mạnh, nhất là tại phần Đông Đức cũ. Gần đây, các khuynh hướng này bộc lộ cụ thể bằng những hành động đã man của những nhóm quá khích tấn công các trại tị nạn, đốt nhà người ngoại quốc, khủng bố các người xin tị nạn, trong đó nhiều đồng bào ta đã là nạn nhân. Điển hình là giữa tháng 9 vừa qua, một phụ nữ Việt Nam 31 tuổi mang thai đã bị một nhóm Skinhead (đầu trọc) đập lên và đánh đập, bị trọng thương phải đưa vào bệnh viện cấp cứu.

Độc giả viết

hồ cá nhân nào đó, hay vì một toan tính riêng tư nào đó, để tự chối bỏ những điều mình thích, giả ngu những điều mình hiểu, giả ngờ những điều mình tin và chối bỏ những điều mình đã làm. Tôi không tin đó là tác phong của một kẻ sĩ có bản lĩnh".

Tôi thật lấy làm sửng sốt bởi những ngôn từ có tính lảng nhục của ông Phạm Xuân Tịch. Thế nào là trở giáo quay cờ? Theo tôi hiểu trở giáo quay cờ có nghĩa là phản bội. Vậy phải chăng ông Tịch muốn nói những người trí thức đã viết bài, viết sách phê phán những người lãnh đạo chế độ Việt Nam Cộng Hòa là những kẻ phản bội?

Tôi nghĩ rằng những người trí thức Việt Nam cần phân tích, phê phán những sai lầm của những người lãnh đạo Việt Nam Cộng Hòa như Ngô Đình Diệm, Nguyễn Văn Thiệu là đúng. Họ không mạt sát ai mà chỉ muốn rút ra những kinh nghiệm xương máu trong thất bại để chuẩn bị cho những trận đánh sau giành thắng lợi. Nếu không phải chính họ, những người có sự hiểu biết sâu rộng, những người đã từng làm việc cho chế độ Việt Nam Cộng Hòa cũ, đã từng nắm rất vững những việc làm của những người lãnh đạo cũ, viết bài góp ý phê phán để rút ra những bài học bổ ích cho cuộc đấu tranh mới, thì còn ai viết nữa? Nếu họ không viết gì cả, cứ nhắm mắt ôm lấy cái thầy ma của quá khứ thì họ mới là những người vô trách nhiệm trước dân tộc Việt Nam. Vậy mà ông Tịch lại mạt sát họ là những kẻ trở giáo quay cờ, là ngu là ngợ, không xứng đáng là kẻ sĩ.

Tôi nghĩ rằng những người đã từng cầm bút viết sách, viết bài phê phán những cái sai của những người lãnh đạo cũ của chính thể Việt Nam Cộng Hòa hay của chế độ cộng sản không phản bội ai. Họ không những không phản bội đất nước Việt Nam, nhân dân Việt Nam mà còn cố sức tìm một con đường tốt đẹp nhất để cứu nước.. Đó chính là kết quả của phong trào đấu tranh dân chủ hiện có ở trong nước và ở hải ngoại. Chính họ là những kẻ sĩ, bởi vì chính họ đã dám mạnh dạn đấu tranh với cái sai của quá khứ, của chính mình để tìm ra con đường đấu tranh đúng đắn cho tương lai. Họ là những con người không chịu để cho những kẻ độc tài chuyên chế dù núp dưới chiêu bài nào phá hoại đất nước, giết hại đồng bào họ, nên họ đã dũng cảm đứng lên tranh đấu. Họ chính là những đứa con yêu quý của đất nước Việt Nam, của đồng bào Việt Nam. Họ là kẻ sĩ hay không, điều đó cũng không phải là mối ưu tư lớn nhất của họ, họ chỉ biết làm được việc gì dù lớn hay nhỏ miễn là có ích cho dân tộc, cho đồng bào, có lợi cho phong trào dân chủ đa nguyên đang mới chớm hé, đang cần có sự thương yêu hòa giải giữa những người Việt Nam với nhau để cùng nhau xây dựng một nước Việt Nam mới. Ông Nguyễn Gia Kiểng đã nhện đầu, không dùng những lời lẽ thô bạo như ông Tịch để trả lời ông, mà chỉ trả lời những nét lớn một cách rất khiêm tốn.

Tổ quốc và nhân dân mới là người cha, người mẹ đã sinh thành dưỡng dục ra ta. Nếu ta làm những việc có hại cho dân cho nước mới là phản bội. Đối với một chủ nghĩa, một chế độ chính trị phản dân hại nước, ta phải có trách nhiệm đánh đổ nó hoặc cải hóa nó trở nên hoàn thiện, việc làm ấy không phải là phản bội.

Gorbachev là tổng bí thư đảng cộng sản Liên Xô, Yeltsin là ủy viên Bộ Chính Trị, không những đấu tranh đòi cải cách nó mà đến một lúc nào đó còn đá phá nó, khai tử nó. Vậy Gorbachev, Yeltsin là kẻ phản bội hay là kẻ sĩ?

Đối với những người trí thức dân thân mình vào con đường đấu tranh chính trị việc phải hết sức khách quan tinh táo quan sát những biến chuyển của thế giới chung quanh là điều hết sức quan trọng. Ta không thể vì không thích một cá nhân nào hoặc một

đảng phái chính trị nào mà phủ nhận hoàn toàn đối phương dẫn đến đánh giá sai và những chiến lược, chiến thuật sai để đi đến thất bại.

Chúng ta không thể vì tình cảm căm ghét chế độ cộng sản hiện nay ở Việt Nam mà phủ nhận hoàn toàn những hy sinh đóng góp của những người cộng sản có lòng yêu nước đã làm cho cuộc Cách Mạng Tháng Tám thành công. Nếu những ai chưa đọc kỹ bài viết của Nguyễn Gia Kiểng xin hãy bình tâm đọc lại. Ông Kiểng chỉ nêu lại những thực tế khách quan đã xảy ra trong lịch sử. Ông không mạt sát ai và cũng không nịnh hót ai. Đảng cộng sản Việt Nam từ khi ra đời năm 1930 đến năm 1945 là thời kỳ họ hoạt động trong bóng tối dưới sự khủng bố gắt gao của thực dân Pháp. Họ đã bị thực dân Pháp bắt bớ tù đầy bắn giết. Nhiều người trong bọn họ đã hy sinh vì đấu tranh để giải phóng dân tộc. Những hy sinh của họ cần được ghi nhận.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là một cuộc đấu tranh của toàn thể nhân dân Việt Nam chiến đấu chống thực dân xâm lược Pháp để giành độc lập cho dân tộc, mà những người cộng sản chỉ chiếm giữ một phần, đó là điều ai cũng hiểu. Vậy nếu như ta đã nhất trí như vậy thì một câu hỏi khác sẽ được đặt ngược trở lại. Vậy thì những kẻ theo thực dân Pháp chống lại cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc Việt Nam là kẻ sĩ hay là kẻ phản bội? Khó trả lời vì không thể có câu trả lời đơn giản cho một giai đoạn lịch sử phức tạp như lịch sử cận đại của dân tộc ta.

Tôi nghĩ rằng Nguyễn Gia Kiểng đã làm một việc rất công minh sòng phẳng trước lịch sử. Tôi cho đó là thái độ của một con người biết từ những phân tích rất tinh táo khách quan để đi đến những nhận định đúng đắn tìm ra đường lối chính trị đúng đắn.

Nhân đây tôi xin được đề nghị với những ai tự cho mình là người Việt Nam yêu nước hãy gạt bỏ đi những thù hận riêng tư, những mặc cảm ở trong lòng để cùng nhau xây dựng một mặt trận đấu tranh vì tự do dân chủ của dân tộc. Xin hãy quên đi những chức vụ dưới chế độ cộng hòa hay chế độ cộng sản. Dùng cho rằng mình đã từng ở chức vụ này chức vụ nọ thì phải có quyền bảo ban, dạy dỗ thiên hạ. Không phải những tổ chức nào tập hợp được nhiều những ông tai to mặt lớn cũ mới là một tổ chức có tiếng tăm đáng tin cậy. Nhớ rằng Lê Lợi, Nguyễn Trãi ngày xưa không phải là những quan to đi làm cách mạng. Lịch sử đã sang trang. Hai chế độ chính trị ở hai miền Nam Bắc trước đây đang bị đào thải. Tổ quốc Việt nam đang mong đợi những con người mới, những lập trường mới, lớn lên hay xuất phát từ bất cứ một quá khứ nào. Tổ quốc sẽ ghi công những đứa con trung thành và dũng cảm. Cái mốc mới của lịch sử Việt Nam bắt đầu từ những con người đáng yêu đó. Xin hãy để cho những đứa con yêu quý ấy của dân tộc Việt Nam hòa giải với nhau, nắm tay nhau cùng tiến lên.

Nguyễn Quốc Hòa (London, Anh)

Nhắn tin

Một nữ độc giả ở Tiệp Khắc tha thiết nhờ Thông Luận tìm thân nhân thuộc dòng họ Nay (dân tộc Gia Rai), hoặc những ai quen biết các ông Nay Đe (Nay Der), nguyên là thầy giáo dạy tiếng Pháp trước năm 1954, Nay Phin và Nay Loét, trước kia ở Tây nguyên (Pleiku). Nếu có vị nào giúp được độc giả này tìm hiểu nguồn gốc lai lịch của mình xin viết thư cho tòa soạn, chúng tôi sẽ chuyển lại.

Sổ Tay

Giới thiệu tập san Hợp Lưu tại Paris

Trong tình trạng khó khăn của ngành xuất bản và báo chí tại hải ngoại hiện nay: sách báo in ra thiếu người đọc, người viết thì viết không công, người làm báo cũng lại không công nổi. Thậm chí, đôi khi còn phải bỏ tiền vào nuôi sống báo.

Môi trường văn học đang bị chi phối bởi một số quan niệm bảo thủ, cực đoan, chống lại mọi giao lưu văn hóa. Sự ra đời tại California, Hoa Kỳ, của tập san văn học nghệ thuật và biên khảo Hợp Lưu, với chủ trương "phổ biến tất cả các tác phẩm của anh chị em văn nghệ sĩ trong và ngoài nước, những tác phẩm nói lên được khát vọng chung của dân tộc [...], phá vỡ mọi biên cương, mọi định kiến, mọi ràng buộc, mọi điều "cấm kỵ" với hy vọng khỏa lấp khát vọng sâu xa nhất của mỗi văn nghệ sĩ, là mong được gởi sáng tác của mình đến tất cả mọi người Việt Nam, không phân biệt trong - ngoài" (1) là một việc làm can đảm, khó khăn và khó có thể giải thích được.

Cũng như, khó giải thích, vì sao Võ Phiến vẫn viết, viết để rồi ông lần thân hỏi: "Để làm gì vậy? Vài ba chục năm sau có còn ai xem sách nữa không? Thế loại tiểu thuyết có còn tồn tại không? Thơ còn ai đọc nữa không? Có còn cái gọi là văn chương nữa không?" (2)

Cũng như, khó giải thích, vì sao Mai Thảo vẫn tiếp tục làm việc, trong căn phòng nhỏ, không quá 15 thước vuông, tại California, vừa là chủ nhiệm, vừa là chủ bút, vừa là thư ký tòa soạn kiêm thủ quỹ... từ trên 10 năm nay, để tờ Văn được đến tay độc giả.

Nguyên do, nếu chúng ta cứ muốn tìm một nguyên do, thì có thể như thế này: nhà văn là những kẻ chuyên khâu vá mảnh vụn của cuộc đời, mà con người trong say mê đấu tranh vì lý tưởng, vì chủ nghĩa, đã vô tình xé nát, giăng co, chia chác giầy xéo, tách rời mỗi nơi một miếng.

Sự ra đời của Hợp Lưu hôm nay, cũng nằm trong chỗ chấp vá, tầm thường và vụn vặt ấy.

Vụn vặt và tầm thường như bà mẹ trong "Cỏ Lau" của Nguyễn Minh Châu: cầm mảnh vải vụn, xé trên chiếc áo rằn ri của anh chiến binh quân đội cộng hòa, vá lên chiếc quần rách của anh bộ đội nhân dân.

Vụn vặt và tầm thường như Võ Phiến, mỗi sáng ngồi bên tách trà tàu, vẫn vợ tìm một cốt truyện, một đề tài, rồi đề tài tự nhiên ở đâu đó, nhảy ra, nó lên tiếng nhỏ nhẹ "Em đây! Em đây" (3)

Vụn vặt và tầm thường như Mai Thảo, đêm khuya bên ly rượu, thắm lặng viết tên từng độc giả trên phong bì, để ngày mai, gửi kíp chuyển tàu xuyên đại dương, sang các lục địa khác.

Và cũng vụn vặt và tầm thường như lời mời gọi của Hợp Lưu hôm nay: các anh, các chị hãy ngồi lại với nhau, ăn với nhau bát phở, quên đi một lúc, những khác biệt đôi bờ... rồi sau, mọi việc ra sao... không có gì quan trọng cả.

Lời mời gọi tầm thường ấy, có người đã nhận lời. Có người đã lãng quên hay không đến được. Qua mọi khó khăn, quên quên, nhớ nhớ, buổi họp mặt ra mắt Hợp Lưu tại Paris cũng đã thành tựu, với sự hiện diện của: nhà văn Mai Thảo, nhà soạn nhạc Nguyễn Thiện Đạo, luật sư Trần Thanh Hiệp, học giả Tạ Trọng Hiệp, các họa sĩ Nguyễn Cẩm và Lê Tài Điền, các nhà văn: Huyền Châu, Kiệt Tấn, Phan Thị Trọng Tuyền, Kim Lefèvre, Trần Vũ, Trần Thị Diệu Tâm, nhà thơ Hoài Việt, nhạc sĩ Hàn Lệ Nhân..., các anh Bạch Thái Quốc, trưởng ban Việt ngữ đài RFI, Trần Hải Hạc, báo Diễn Đàn, Huỳnh Hùng và Vũ Thiện Hân, báo Thông Luận... và nhà văn kiêm họa sĩ Khánh Trường, chủ biên tờ Hợp Lưu, cùng một số bạn hữu và thân hữu có lòng với văn học.

Lời mời gọi tầm thường mà Hợp Lưu đã chuyển đến chúng ta, nếu chúng ta truyền được cho nhau - thì Hợp Lưu, dù có sống lâu hay chết yểu - cũng không quan trọng. Vì một tập san có thể đến rồi đi, nhưng sự giao hưởng giữa người và người, đã đến, thì sẽ ở lại.

Paris, 18-10-1991

Thụy Khuê

(1) Thư tòa soạn, Hợp Lưu số 1, tháng 10-1991. HỢP LƯU, tập san phát hành 2 tháng một lần. Địa chỉ liên lạc: 9315 Bolsa Ave # 111, Westminster - CA 92683 - U.S.A.

Điện Thoại: (714) 537 - 2468 hay (714) 898 - 9074

(2) và (3) "Truyện Thất Ngán", tác phẩm mới nhất của Võ Phiến do Văn Nghệ vừa xuất bản.

Hợp Thân hữu Thông Luận

Kính mời quý độc giả và thân hữu tham dự buổi họp ngày chủ nhật 15-12-91, từ 14 giờ đến 18 giờ tại 270, rue Saint Jacques, Paris 5è (Mo Luxembourg)

- Đề tài thảo luận: 1. Đóng góp phát động đấu tranh do Nguyễn Gia Kiểng dẫn nhập
2. Lược sử phong trào Đệ Tứ Quốc Tế do một đồng chí của Tạ Thu Thâu dẫn nhập

THÔNG LUẬN

Nguyệt san Thông tin Nghị luận

Association VietNam Fraternité, 24 Square des Cottages
91200 ATHIS-MONS, FRANCE

Giá báo một năm: Âu Châu 130 FF hoặc tương đương
Nơi khác: 30 \$Mỹ, 40 \$Canada, 50 \$Úc hoặc tương đương
(nếu được, xin dùng personal check)

Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề

VIET NAM FRATERNITE (xin dùng đề Thông Luận)

Thông Luận

hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp
mọi ủng hộ tài chính
và cảm ơn quý vị cổ động để phổ biến nó